

UBND HUYỆN THANH OAI  
TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH II

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**HÀ NỘI - NĂM 2024**

UBND HUYỆN THANH OAI  
TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH II

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-MNBMI ngày 02 tháng 7 năm 2024 của  
Hiệu trưởng trường mầm non Bình Minh II)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đào Thị Bích Hương	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Lê Thị Tuyên	Phó hiệu trưởng, chủ tịch Công đoàn	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Nguyễn Thị Hoa	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Lê Thị Thanh Thùy	Trưởng ban TTND, Tổ trưởng tổ 4,5 tuổi	Thư ký hội đồng	
5	Nguyễn Huyền Trang	Nhân viên văn thư	Thư ký hội đồng	
6	Nhữ Thị Thúy	Tổ trưởng tổ nhà trẻ & 3 tuổi	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Kim Hoàn	Tổ trưởng tổ nuôi dưỡng	Ủy viên hội đồng	
8	Vũ Thị Thanh Vân	Kế toán, Tổ trưởng tổ văn phòng	Ủy viên hội đồng	
9	Lê Thị Hồng Nhung	Bí thư chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
10	Lý Lan Linh	Tổ phó tổ 3 tuổi & NT	Ủy viên hội đồng	
11	Nguyễn T Bích Hạnh	Tổ trưởng khu	Ủy viên hội đồng	

HÀ NỘI - NĂM 2024

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Mục lục	2
Danh mục chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
<b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>	8
<b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	13
<b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>	13
<b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>	14
<b>I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3</b>	18
<b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>	18
<b>Mở đầu</b>	18
<b>Tiêu chí 1.1:</b> Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	19
<b>Tiêu chí 1.2:</b> Hội đồng trường và các hội đồng khác	22
<b>Tiêu chí 1.3:</b> Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	25
<b>Tiêu chí 1.4:</b> Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	29
<b>Tiêu chí 1.5:</b> Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	33
<b>Tiêu chí 1.6:</b> Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	35
<b>Tiêu chí 1.7:</b> Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	37
<b>Tiêu chí 1.8:</b> Quản lý các hoạt động giáo dục	40
<b>Tiêu chí 1.9:</b> Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở	42
<b>Tiêu chí 1.10:</b> Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	45
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i></b>	49
<b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên</b>	50
<b>Mở đầu</b>	50
<b>Tiêu chí 2.1:</b> Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	50
<b>Tiêu chí 2.2:</b> Đối với giáo viên	53
<b>Tiêu chí 2.3:</b> Đối với nhân viên	55
<b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i></b>	58
<b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>	58
<b>Mở đầu</b>	58
<b>Tiêu chí 3.1:</b> Diện tích khuôn viên và sân trường	58
<b>Tiêu chí 3.2:</b> Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	61

<b>Tiêu chí 3.3:</b> Khối phòng hành chính - quản trị	63
<b>Tiêu chí 3.4:</b> Khối phòng tổ chức ăn	66
<b>Tiêu chí 3.5:</b> Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	67
<b>Tiêu chí 3.6:</b> Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	70
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</b>	72
<b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>	73
<b>Mở đầu</b>	73
<b>Tiêu chí 4.1:</b> Ban đại diện cha mẹ trẻ	73
<b>Tiêu chí 4.2:</b> Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	76
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</b>	80
<b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>	80
<b>Mở đầu</b>	80
<b>Tiêu chí 5.1:</b> Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	81
<b>Tiêu chí 5.2:</b> Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	84
<b>Tiêu chí 5.3:</b> Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	87
<b>Tiêu chí 5.4:</b> Kết quả giáo dục	90
<b>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</b>	92
<b>II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4</b>	93
<b>Tiêu chí 1:</b> Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.	93
<b>Tiêu chí 2:</b> Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	95
<b>Tiêu chí 3:</b> Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.	96

<b>Tiêu chí 4:</b> 100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.	97
<b>Tiêu chí 5:</b> Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	98
<b>Tiêu chí 6:</b> Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.	99
<b>Kết luận về mức 4</b>	100
<b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>	101
<b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>	102- 118

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Chữ viết tắt đầy đủ</b>
1.	ATTP	An toàn thực phẩm
2.	ATVSTP	An toàn vệ sinh thực phẩm
3.	ANTT	An ninh trật tự
4.	BGH	Ban giám hiệu
5.	BCH	Ban chấp hành
6.	CBGVNV	Cán bộ giáo viên nhân viên
7.	CMHS	Cha mẹ học sinh
8.	CMTE	Cha mẹ trẻ em
9.	CNTT	Công nghệ thông tin
10.	CSVC	Cơ sở vật chất
11.	CSGD	Chăm sóc giáo dục
12.	ĐDDC	Đồ dùng đồ chơi
13.	Đ/c	Đồng chí
14.	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
15.	GDMN	Giáo dục mầm non
16.	GVNV	Giáo viên nhân viên
17.	HT	Hiệu trưởng
18.	LĐLĐ	Liên đoàn lao động
19.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
20.	PTTE	Phát triển trẻ em
21.	PCTNTT	Phòng chống tai nạn thương tích
22.	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
23.	SDD	Suy dinh dưỡng
24.	TĐG	Tự đánh giá
25.	TNCS HCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
26.	UBND	Ủy ban nhân dân
27.	QCDC	Quy chế dân chủ

## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá:

#### 1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	-----
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	Không đạt
Tiêu chí 1.7		x	x	-----
Tiêu chí 1.8		x	x	-----
Tiêu chí 1.9		x	x	-----
Tiêu chí 1.10		x	x	-----
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	-----
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

**Kết quả:** Đạt mức 2.

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1	x		
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3	x		
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6	x		

**Kết quả:** Không đạt mức 4

**2. Kết luận:** Trường đạt mức 2



**PHẦN I**  
**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường : **Trường mầm non Bình Minh II**

Tên trước đây : **Trường mầm non Bán công Bình Minh II**

Cơ quan chủ quản : **UBND huyện Thanh Oai**

Thành phố	Hà Nội
Huyện	Thanh Oai
Xã	Bình Minh
Đạt chuẩn quốc gia	Mức độ 1
Năm thành lập trường	2008
Công lập	x
Tư thực	
Dân lập	
Trường liên kết nước ngoài	

Tên Hiệu trưởng	Đào Thị Bích Hường
Điện thoại trường	0987392630
Fax	
Website	mnbinhminhii.edu.vn
Số điểm trường	01
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

<b>Số nhóm, lớp</b>	<b>Năm học 2019-2020</b>	<b>Năm học 2020-2021</b>	<b>Năm học 2021-2022</b>	<b>Năm học 2022-2023</b>	<b>Năm học 2023-2024</b>
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 18 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	2	2	2	2	2
Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi	3	3	3	3	3
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	4	3	3	4	4
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	3	4	4	3	3
<b>Cộng</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>12</b>

## 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
<b>I</b>	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	12	12	12	12	12	
1	Phòng kiên cố	12	12	12	12	12	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
<b>II</b>	Khối phòng phục vụ học tập	1	1	1	1	1	
1	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
<b>III</b>	Khối phòng hành chính quản trị	6	6	6	6	6	
1	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
<b>IV</b>	Khối phòng tổ chức ăn	1	1	1	1	1	
1	Bếp ăn	1	1	1	1	1	
<b>V</b>	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	1	1	1	1	1	

1	Phòng GD nghệ thuật	1	1	1	1	1	
2	Phòng GD thể chất	0	0	0	0	0	
	<b>Cộng</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

#### a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1				1	
Phó hiệu trưởng	2	2				2	
Giáo viên	27	27			4	23	
Nhân viên	12	11		0	03	9	
<b>Cộng</b>	<b>42</b>	<b>41</b>		<b>0</b>	<b>7</b>	<b>35</b>	

#### b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
1	Tổng số giáo viên	35	28	28	28	27
2	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	10	13,8	10	12	10
4	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	13,2	12,3	12,4	11,7	11,7
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc trương đương trở lên (nếu có)	4	2	2	3	2

6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	4	4	2	5	6

#### 4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	390	350	332	328	308	
	- Nữ	186	150	149	147	128	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	
2	Đối tượng chính sách	10	12	5	8	4	
2.1	Kỳ I	10	12	5	8	4	
2.2	Kỳ II	10	12	5	8		
3	Khuyết tật	1	1	0	1	0	
4	Tuyển mới	104	94	91	97	96	
5	Học 2 buổi/ngày	390	350	332	328	308	
6	Bán trú	390	350	332	328	308	
7	Tỷ lệ trẻ em/lớp	33	29.5	27.2	26.8	25.8	
8	Tỷ lệ trẻ em/nhóm	30	27.5	30	30	25	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 18 đến 24 tháng	0	0	0	0	0	

tuổi							
- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	60	55	60	60	50		
- Trẻ em từ 3-4 tuổi	94	80	84	97	80		
- Trẻ em từ 4-5 tuổi	118	98	85	85	94		
- Trẻ em từ 5-6 tuổi	118	117	103	86	84		

**5. Các số liệu khác: Không có**

## PHẦN II TỰ ĐÁNH GIÁ

### PHẦN A. ĐẶT VẤN ĐỀ:

#### 1. Tình hình chung của nhà trường.

Trường MN Bình Minh II, huyện Thanh Oai được thành lập từ ngày 01/01/2008 theo quyết định số 1494/QĐ-UBND của UBND huyện Thanh Oai về việc chia tách trường MN Bán công Bình Minh, là trường Mầm non thuộc mô hình trường Bán công. Trường có nhiệm vụ CSGD các cháu từ 24-60 tháng tuổi thuộc 4 thôn trên địa bàn xã Bình Minh ( thôn Chua, Quếch, Đìa, Dộc). Đến Năm 2009 trường được chuyển đổi thành trường công lập tự chủ một phần theo Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của UBND huyện Thanh Oai về việc chuyển đổi trường MN bán công sang loại hình trường MN công lập tự chủ một phần và đổi tên thành Trường MN Bình Minh II.

Nhà Trường được UBND huyện, xã đầu tư xây dựng CSVC 1 điểm trường tại thôn Đìa Dộc, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai với tổng diện tích 2.960 m<sup>2</sup> / 308 trẻ (năm học 2023-2024), quy hoạch diện tích khu đất mới 5.000 m<sup>2</sup> tại khu vực thôn Chua, xã Bình Minh để xây dựng trong năm 2025, diện tích đạt bình quân 25,8m<sup>2</sup>/trẻ . Diện tích sàn sử dụng 1001m<sup>2</sup>/308 trẻ. Trường có 12 phòng học. Các phòng học và khối phòng hành chính quản trị, khối phòng phụ trợ được trang bị đồ dùng đầy đủ. Các công trình vệ sinh của trẻ đúng quy cách, đảm bảo vệ sinh; trường có biển trường, tường bao, sân chơi được lát gạch, đảm bảo an toàn, có cây xanh bóng mát và đồ chơi ngoài trời. Trường có một bếp ăn để tổ chức nấu ăn cho trẻ. Các điều kiện về cơ sở vật chất hiện có của nhà trường cơ bản đáp ứng được các yêu cầu giáo dục hiện nay.

Đội ngũ CBGVNV nhà trường được đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung cả về số lượng và chất lượng, ngày càng đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ.

Tổng số CBGVNV 42 Đ/c, trong đó BGH 03, GV 27, nhân viên nuôi dưỡng: 07, nhân viên y tế 1, nhân viên kế toán 1, nhân viên phục vụ 02, nhân viên bảo vệ: 01

+ GV đạt chuẩn 100%, trên chuẩn là 23/27 đạt tỷ lệ 85.2%.

Nguồn tài chính đảm bảo cho nhà trường hoạt động được huy động từ nguồn ngân sách nhà nước cấp như lương, phụ cấp theo lương, chi thường xuyên của đơn vị được quản lý đúng quy định của nhà nước về quản lý tài chính, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời hàng tháng cho người lao động. Từ nguồn thu học phí (*được thu đúng, đủ và đảm bảo nguyên tắc tài chính*).

\* Về chất lượng giáo dục, nhà trường đã đạt những thành tích nổi bật như:

- Trường liên tục đạt tập thể lao động Tiên tiến từ trước những năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024.

- Trong các năm học vừa qua trường luôn có GV tham gia thi GV giỏi (GVG) và nhân viên nuôi dưỡng giỏi cấp huyện đều đạt giải cao.

- Năm 2016 trường được UBND thành phố Hà Nội công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ I vào ngày 16 tháng 11 năm 2016 theo quyết định số 6301/QĐ-UBND của thành phố Hà nội, đạt kiểm định chất lượng GD cấp độ 3 theo quyết định số 6523/QĐ-SGDĐT ngày 28/7/2015 của Sở GDĐT Hà Nội.

Với sự cố gắng nỗ lực của tập thể, cá nhân nhà trường, trường đã luôn giữ vững danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trong nhiều năm. Chi bộ đạt “Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, tổ chức Công đoàn vững mạnh, Đoàn Thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc.

## **2. Mục đích tự đánh giá (TĐG).**

Mục đích TĐG là quá trình nhà trường tự xem xét, đánh giá thực trạng giáo dục của đơn vị mình để xác định cấp độ chất lượng CSGD của nhà trường và công khai chất lượng CSGD của nhà trường với các cơ quan chức năng và xã hội.

Công tác TĐG chất lượng giáo dục luôn được nhà trường quan tâm, nghiêm túc thực hiện, vì đây không chỉ là nhiệm vụ mà còn là trách nhiệm, quyền lợi của nhà trường. Quá trình TĐG giúp trường MN Bình Minh II xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, công tác TĐG nhằm chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, từ đó giúp nhà trường lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng (CSND) và giáo dục trẻ em của nhà trường.

Thông qua kết quả TĐG, nhà trường sẽ nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của mình để từ đó có biện pháp cải tiến hoặc khắc phục cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo đáp ứng với các tiêu chuẩn chất lượng đã quy định.

Nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả giáo dục, cơ sở vật chất (CSVCh), nhân lực, nghiên cứu khoa học, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục. TĐG giúp nhà trường huy động được các nguồn lực từ các cá nhân và tổ chức đầu tư cho giáo dục, tạo điều kiện cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CSGD trẻ; là cơ sở cho các cơ quan quản lý công nhận nhà trường đạt chuẩn Quốc gia.

## **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG.**

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo về công tác tự đánh giá, nhà trường đã triển khai công tác TĐG theo các tiêu chuẩn đánh giá trường MN, được ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường MN theo 7 bước sau:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá
2. Lập kế hoạch TĐG
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí
5. Viết báo cáo TĐG
6. Công bố báo cáo TĐG
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Công tác kiểm định chất lượng giáo dục trong nhà trường được tiến hành công khai, nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực sẵn có. Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng gồm cán bộ chủ chốt của trường, trưởng các đoàn thể, các tổ chuyên môn, đại diện Đoàn thanh niên, Công đoàn, thanh tra nhân dân.... Ban thư ký là các GVNV có kinh nghiệm. Hội đồng TĐG của trường đã xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên, tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng viết báo cáo cho từng nhóm chuyên trách.

Để báo cáo TĐG đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, hội đồng TĐG đã tiến hành bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chuẩn; sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan. Trong quá trình TĐG chất lượng giáo dục trường MN, nhà trường đã sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT về việc quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường MN.

Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác và ban thư ký đã tiến hành, thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng. Trên cơ sở đó phân tích các điểm mạnh và những tồn tại để làm căn cứ xây dựng kế hoạch, tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng của nhà trường trong những năm học tiếp theo.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ.**

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, Hiệu trưởng nhà trường đã ra Quyết định số 139/QĐ-MNBMII của trường MN Bình Minh II về việc thành lập Hội đồng TĐG chất lượng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT gồm 11



thành viên là cán bộ lãnh đạo và các đồng chí GVNV có uy tín trách nhiệm, đồng chí Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng nhà trường làm Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng TĐG đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quy trình công tác TĐG chất lượng giáo dục của nhà trường, phân công nhiệm vụ tới từng thành viên trong Hội đồng. Hội đồng gồm 3 tổ công tác, mỗi tổ được phân công thu thập tài liệu nghiên cứu đánh giá theo từng nhóm tiêu chuẩn. Hội đồng TĐG đã xây dựng kế hoạch thực hiện cho 15 tuần, cụ thể như sau:

<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung hoạt động</b>
Tuần 1,2	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Họp BGH dự kiến các thành viên Hội đồng TĐG và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động TĐG</li> <li>2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG.</li> <li>3. Họp Hội đồng TĐG để: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG;</li> <li>- Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân;</li> <li>- Dự thảo và ban hành Kế hoạch TĐG.</li> </ul> </li> <li>4. Phổ biến Kế hoạch TĐG đến toàn thể CBGVNV của nhà trường và các bên liên quan.</li> </ol>
Tuần 3,4,5	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ chức hội thảo/tập huấn/hội nghị về nghiệp vụ TĐG cho toàn thể CBGVNV của trường và các bên liên quan.</li> <li>2. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí.</li> </ol>
Tuần 6,7	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí (tiếp theo việc tuần 2);</li> <li>- Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được.</li> </ul> </li> <li>2. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.</li> <li>3. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí.</li> </ol>
Tuần 8,9	Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí (tiếp theo việc tuần 3 - 5).
Tuần 10,11	<p>Họp hội đồng TĐG để:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG (nếu có);</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG;</li> <li>- Chính sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng);</li> <li>- Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có);</li> <li>- Dự thảo báo cáo TĐG.</li> </ul>
Tuần 12	<p>Họp Hội đồng TĐG để:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan (nếu có);</li> <li>- Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG;</li> <li>- Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung;</li> <li>- Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường;</li> <li>- Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG;</li> <li>- Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG sau khi có các ý kiến góp ý;</li> <li>- Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng (nếu có).</li> </ul>
Tuần 13,14	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG. Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành.</li> <li>2. Gửi báo cáo TĐG và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động TĐG cho cơ quan quản lý trực tiếp để lấy ý kiến.</li> <li>3. Chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có).</li> <li>4. Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường).</li> <li>5. Lưu trữ báo cáo TĐG, các minh chứng và các tài liệu liên quan theo quy định.</li> </ol>
Tuần 15	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.</li> <li>2. Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký ĐGN với cơ quan có thẩm quyền.</li> </ol>

Để báo cáo TĐG đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng TĐG đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà

trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chí; sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan. Trong quá trình TĐG, nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau như: Bộ tiêu chí quản lý chất lượng giáo dục của trường MN để làm cơ sở cho việc tiến hành TĐG chất lượng giáo dục của nhà trường, sử dụng máy vi tính, máy in, máy photocopy, mạng Internet, các văn bản có liên quan... để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo TĐG.

Sau khi phân tích, kiểm tra độ tin cậy, xác định tính chính xác, mức độ phù hợp với yêu cầu của từng tiêu chí, các nhóm công tác đã chọn được ra những minh chứng cho nội hàm phù hợp yêu cầu của các tiêu chí tương ứng trong từng tiêu chuẩn kiểm định. Dựa vào tài liệu minh chứng đã chọn lọc, các nhóm công tác xây dựng dự thảo báo cáo từng tiêu chí, sau đó tổng hợp thành báo cáo tiêu chuẩn. Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng TĐG, ban thư ký hoàn thiện báo cáo TĐG.

Dựa trên Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường MN, nhà trường đã tiến hành TĐG chất lượng giáo dục của trường trên tất cả các mặt hoạt động. Trong quá trình thực hiện TĐG chất lượng giáo dục của trường, Hội đồng TĐG trường MN Bình Minh II đã nhận thấy những điểm mạnh và điểm yếu của nhà trường trong mỗi hoạt động.

Sau khi TĐG nhà trường thấy được những điểm mạnh, điểm yếu trong việc đáp ứng nhu cầu của từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn, từ đó Ban giám hiệu (BGH) nhà trường có kế hoạch cụ thể cho việc cải tiến chất lượng CSGD trẻ và đề xuất những biện pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường trong từng giai đoạn để tiến hành điều chỉnh các hoạt động công tác quản lý phù hợp với thực tế, với yêu cầu của ngành và xã hội, tích cực cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

## **PHẦN B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3.**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.**

#### **Mở đầu:**

Trường MN Bình Minh II là trường MN công lập có tài khoản và con dấu riêng. Nhà trường có đầy đủ cơ cấu, tổ chức bộ máy theo yêu cầu Điều lệ trường MN. Có Hội đồng trường có 11 thành viên, có chi bộ Đảng gồm 26 đảng viên, Tổ chức công đoàn 42 đoàn viên, Chi hội chữ thập đỏ gồm 42 hội viên; Chi Đoàn TNCSHCM có 13 đoàn viên; Có các tổ chuyên môn gồm: Tổ mẫu giáo 4&5 tuổi, tổ mẫu giáo 3 tuổi & nhà trẻ; tổ nuôi dưỡng; tổ văn phòng; toàn trường có 2 nhóm trẻ và 10 lớp mẫu giáo. CBGVNV luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương, của ngành.

Nhà trường quan tâm tới việc xác định phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhằm hoàn thành sứ mệnh của mình trong sự nghiệp phát triển GD&ĐT của xã Bình Minh và của huyện Thanh Oai; công tác quản lý ở mọi lĩnh vực được nhà trường làm tốt trên cơ sở phát huy trí tuệ của tập thể đội ngũ CBGVNV; đảm bảo thực hiện tốt quy chế dân chủ (QCDC) ở cơ sở, công tác thi đua khen thưởng CBGVNV và học sinh đảm bảo tính chính xác, công bằng, công khai. Hằng năm, tổ chức tốt các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi phù hợp với điều kiện địa phương.

BGH nhà trường luôn quan tâm công tác bồi dưỡng đội ngũ để tìm ra các cá nhân tiêu biểu và có khả năng để đưa vào diện bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ CBGVNV của nhà trường. Luôn chú trọng công tác bảo đảm ANTT, phòng cháy chữa cháy (PCCC), đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ quản lý, GVNV, đảm bảo tốt ATVSTP bếp ăn tập thể.

### **Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.**

Mức 1:

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

### **1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

Trường MN Bình Minh II đã xây dựng phương hướng, chiến lược cho giai đoạn phát triển của nhà trường giai đoạn 2017-2020, giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo từng năm học. Nội dung phương hướng, chiến lược đưa ra các sứ mệnh, tầm nhìn, chỉ tiêu, giải pháp phù hợp với điều

kiện về tài chính, trang thiết bị CSVC của nhà trường, năng lực đội ngũ, khả năng thể chất, trí tuệ của trẻ, cơ chế chính sách của địa phương. Đã xác định rõ mục tiêu giáo dục của nhà trường nhằm giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một. Mục tiêu này phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non (GDMN) của Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng ủy xã Bình Minh, huyện Thanh Oai giai đoạn 2017-2020; 2021-2025 và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường trong giai đoạn này **[H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]**.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường và kế hoạch cho từng năm học được xác định bằng văn bản, bố cục rõ ràng, mạch lạc và được phòng GD&ĐT huyện Thanh Oai phê duyệt và các cấp có thẩm quyền phê duyệt **[H1-1.1-02]; [H1-1.1-02]**.

Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhà trường đã công bố, công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường tới toàn thể CBGVNV và CMHS bằng hình thức niêm yết tại bảng tin và văn phòng của nhà trường, qua Zalo các nhóm lớp, trang thông tin điện tử của phòng GD&ĐT huyện Thanh Oai **[H1-1.1-03]**.

#### Mức 2:

Trường MN Bình Minh II đã có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: tạo điều kiện thuận lợi về điều kiện và thời gian cho Hội đồng trường làm việc nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ nhất là chức năng giám sát các hoạt động. Hội đồng trường thành lập một tổ công tác giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và có đánh giá, báo cáo vào các phiên họp định kỳ của Hội đồng trường; thường xuyên cập nhật thông tin về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để bổ sung, điều chỉnh mục tiêu, phương hướng chiến lược cũng như đưa ra những giải pháp cho phù hợp với thực tiễn phát triển của nhà trường trong các giai đoạn 2017-2020; 2021-2025 **[H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]**.

#### Mức 3:

Định kỳ hàng năm vào đầu năm học và cuối năm học, nhà trường tiến hành rà soát việc thực hiện phương hướng chiến lược, đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại và phân tích nguyên nhân để từ đó bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường cho sát với tình hình thực tế **[H1-1.1-06]; [H1-1.1-07]**. Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển được nhà trường thực hiện công khai, dân chủ và bằng trí tuệ của cả tập thể nhà trường và cộng đồng dân cư trên địa

bàn xã Bình Minh. Nhà trường đã thành lập ban soạn thảo gồm có HT, các phó HT, các thành viên Hội đồng trường, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chuyên môn, tổ văn phòng và Ban đại diện CMHS của trường để làm tốt việc xây dựng và tổ chức thực hiện “Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường MN Bình Minh II giai đoạn 2017-2020; 2021-2025” [H1-1.1-01]. Được niêm yết rộng rãi, công khai trong nhà trường để nhận được sự tham gia đóng góp, xây dựng của CBGVNV, cha mẹ trẻ. Tuy nhiên, phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa nhận được sự quan tâm đồng đạo của cha mẹ trẻ và cộng đồng [H1-1.1-03].

## 2. Điểm mạnh:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường MN Bình Minh II đoạn 2017-2020; 2021-2025 được xác định bằng văn bản và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; được phổ biến rộng rãi đến 100% CBGVNV và CMHS bằng hình thức thông qua trước hội nghị CBGVNV, gửi về từng nhóm lớp, tuyên truyền tại bảng tin nhà trường. Định kỳ hằng năm nhà trường có các giải pháp giám sát, điều chỉnh bổ sung việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường qua các hình thức tuyên truyền, công khai phương hướng chiến lược, lấy ý kiến của tập thể và cộng đồng dân cư xã Bình Minh đóng góp cho phương hướng chiến lược phát triển của nhà trường.

## 3. Điểm yếu:

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa nhận được sự quan tâm đồng đạo của cha mẹ trẻ và cộng đồng

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng trong việc xây dựng phương hướng chiến lược phát triển đạt hiệu quả cao</li> <li>- Rà soát, điều chỉnh phương hướng chiến lược hằng năm và công khai phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.</li> </ul>	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Các đồng chí trong Hội đồng trường, đồng chí phụ trách CNTT	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một giáo viên hỗ trợ thực hiện cập nhật bản chiến lược phát triển nhà trường đã được phê duyệt lên Website của đơn vị.</li> <li>- Tham mưu, đề xuất với ủy ban nhân dân (UBND) xã Bình Minh, phối hợp các tổ thôn, xóm, các ban ngành, đoàn thể để các văn bản, phương hướng chiến lược</li> </ul>

			xây dựng phát triển của trường được phổ biến rộng rãi trong cộng đồng dân cư.
--	--	--	---

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- Được thành lập theo quy định;*
- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

#### 1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hội đồng trường MN Bình Minh II được thành lập và kiện toàn theo quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 và quyết định số 8692/QĐ-UBND ngày 19/9/2023 của UBND huyện Thanh Oai do có sự điều động, luân chuyển CBQL, gồm 11 thành viên. Thành phần của Hội đồng trường gồm bí thư chi bộ, HT, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn TNCSHCM, đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ văn phòng, đại diện chính quyền địa phương và đại diện ban đại diện CMHS. Chủ tịch Hội đồng trường là đồng chí bí thư cấp ủy, HT nhà trường. Nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 5 năm [H1-1.2-01]. Hằng năm HT nhà trường ra quyết định thành lập các hội đồng như: Hội đồng thi đua khen thưởng, HT là chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng. Các thành viên gồm: PHT, đại diện cấp ủy chi bộ Đảng cộng sản Việt Nam, chủ tịch Công đoàn, bí thư đoàn TNCSHCM, đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ văn phòng [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm thi GV giỏi, nhân viên nuôi dưỡng giỏi, thành viên là các Đ/c trong BGH, tổ trưởng chuyên môn có trình độ, năng lực công tác, nắm vững chuyên môn [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm (SKKN), thành viên là các Đ/c trong BGH, tổ

trường chuyên môn có trình độ, năng lực công tác, có kinh nghiệm trong việc đúc rút SKKN **[H1-1.2-04]**; Hội đồng TĐG gồm 11 thành viên, hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp GVMN **[H1-1.2-05]**. Hàng năm HT lập danh sách đề xuất với phòng GD&ĐT huyện Thanh Oai ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh gồm 10 thành viên các Đ/c trong BGH, tổ trưởng chuyên môn, tổ văn phòng để làm tốt công tác tuyển sinh trẻ đầu năm học **[H1-1.2-06]**.

Sau khi được thành lập, Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường MN theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT. Hội đồng trường là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục theo chương trình GDMN. Hội đồng trường quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch đầu tư và phát triển nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản; tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường và giám sát các hoạt động của nhà trường, của hội đồng trường, việc thực hiện QCDC trong nhà trường **[H1-1.1-07]**. Hội đồng thi đua khen thưởng tư vấn, tổ chức các phong trào thi đua, đề xuất danh sách khen thưởng đối với CBGVNV và trẻ em trong nhà trường **[H1-1.2-07]**. Hội đồng khoa học chấm SKKN có trách nhiệm chấm SKKN theo đúng quy chế **[H1-1.2-08]**; Hội đồng chấm thi GV giỏi, nhân viên nuôi dưỡng giỏi có nhiệm vụ chấm các hoạt động của GVNV và theo tiêu chuẩn của nhà trường **[H1-1.2-09]**. Hội đồng TĐG thực hiện đánh giá, kiểm định chất lượng nhà trường; Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp GVMN hưởng chế độ lương hạng III và hạng II theo đúng tiêu chuẩn quy định **[H1-1.2-05]**. Hội đồng tuyển sinh thực hiện công tác tuyển sinh theo kế hoạch tuyển sinh, đảm bảo quy trình thu nhận hồ sơ, xét duyệt và thông báo kết quả tuyển sinh tới CMTE và báo cáo về phòng GD&ĐT **[H1-1.2-10]**.

Để nâng cao chất lượng CSGD trẻ, Hội đồng trường và các hội đồng khác đều định kỳ họp để rà soát, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế. Hội đồng trường định kỳ họp 3 lần trong một năm học nhằm rà soát đánh giá các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng CSGD trẻ **[H1-1.1-07]**; Hội đồng thi đua khen thưởng họp 2 lần/năm, cuối học kỳ I và cuối năm học, họp kịp thời, đầy đủ trong mỗi đợt thi đua **[H1-1.2-07]**; Hội đồng khoa học chấm SKKN họp 1 lần/năm học. Ngoài ra khi có việc đột xuất, Hội đồng trường và các Hội đồng khác đều tổ chức họp đột xuất để kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với thực tế của nhà trường **[H1-1.2-04]**.



**Mức 2:**

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng khác đã giúp nhà trường làm tốt công tác phát triển GD đạt hiệu quả nên đã góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ trong nhà trường. Cụ thể: Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CBGVNV và trẻ em trong nhà trường, qua đó phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của CBGVNV, thúc đẩy phong trào thi đua của nhà trường phát triển; Hội đồng tuyển sinh căn cứ số liệu điều tra trẻ tham mưu giúp hiệu trưởng xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, đề xuất tuyển sinh phù hợp với địa bàn và điều kiện của nhà trường; Hội đồng thi đua khen thưởng luôn khách quan, trung thực trong việc bình xét thi đua, đánh giá xếp loại. Hội đồng chấm SKKN giúp nhà trường triển khai, hướng dẫn tới CBGVNV viết SKKN đạt chất lượng và được áp dụng rộng rãi trong nhà trường, Hội đồng chấm SKKN luôn phối hợp tốt với các tổ chuyên môn giám sát, khẳng định hiệu quả SKKN của GV tại các nhóm lớp và luôn chính xác trong việc xếp loại, khen thưởng và động viên kịp thời có tác dụng khuyến khích phong trào viết SKKN trong toàn trường, thúc đẩy tiến bộ khoa học giáo dục và mang lại hiệu quả cao trong quản lý, giảng dạy, đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện các mục tiêu đổi mới của trường, của ngành. Song trong 2 năm gần đây cơ cấu nhân sự của Hội đồng trường có sự thay đổi về nhân sự do điều động, luân chuyển công tác nên có khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ [H1-1.2-11]; [H1-1.2-12]; [H1-1.2-13].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có Hội đồng trường và các Hội đồng khác: Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm SKKN; Hội đồng chấm thi GVNV giỏi; Hội đồng TĐG; Hội đồng tuyển sinh, được thành lập theo đúng quy định, thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công.

**3. Điểm yếu**

Cơ cấu nhân sự của Hội đồng trường có sự thay đổi về nhân sự do điều động, luân chuyển công tác nên có khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Người thực hiện</b>	<b>Giải pháp</b>
- Hội đồng trường, các Hội đồng khác trong nhà trường hằng năm duy trì tốt và hiệu quả công tác giám sát, đánh giá các Nghị	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp	Thành viên Hội đồng trường và các Hội	- BGH chỉ đạo hoạt động của Hội đồng trường, các Hội đồng khác đúng kế hoạch, tạo

quyết của Hội đồng trường trong các hoạt động của nhà trường	theo.	đồng khác.	điều kiện cho mỗi cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. - Các thành viên nghiên cứu, nắm rõ kế hoạch và chủ động bố trí sắp xếp thời gian kịp thời việc thực hiện, rà soát đánh giá.
--	-------	------------	---

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

**Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng cộng sản Việt nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể và tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng cộng sản Việt nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể và tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường, có cơ cấu tổ chức theo quy định: Công đoàn gồm 42 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Thanh Oai, Ban chấp hành công đoàn có 05 Đ/c, 1 chủ tịch, 1 phó chủ tịch, 3 ủy viên do Đại hội công đoàn bầu ra và được LĐLĐ Huyện Thanh Oai ra quyết định **[H1-1.3-01]**; Đoàn TNCSHCM của trường trực thuộc Đoàn thanh niên xã Bình Minh có 13 đoàn viên có tuổi đời dưới 35 tuổi theo quy định điều lệ Đoàn, Ban chấp hành Chi đoàn có 03 đ/c do đại hội chi đoàn bầu ra và được Đoàn xã Bình Minh ra quyết định công nhận (Bí thư, Phó bí thư và ủy viên BCH Chi đoàn) **[H1-1.3-02]**. Chi hội chữ thập đỏ được quyết định công nhận theo quyết định số 13-QĐ/CTĐ ngày 24/4/2016 của Hội chữ thập đỏ xã Bình Minh, có 42 hội viên **[H1-1.3-03]**.

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường hoạt động theo quy định như: thực hiện đúng nghị quyết, theo Điều lệ đã đề ra trong từng năm học, từng nhiệm kỳ, trên cơ sở tự nguyện, theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Công đoàn nhà trường thực hiện theo đúng chức năng và quyền hạn: Tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghĩa vụ của công dân; các chủ trương, nghị quyết của Công đoàn. Đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật Nhà nước. Giám sát hoặc tham gia giám sát thực hiện chính sách, pháp luật, nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể và các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động theo quy định của pháp luật. Phối hợp với nhà trường xây dựng và thực hiện QCDC ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, xã hội. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Công đoàn các cấp, chấp hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đoàn viên và cán bộ Công đoàn; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Công đoàn theo đúng quy định; thực hiện công tác phát triển, quản lý đoàn viên; xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh; tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ tại nơi làm việc; xây dựng nhà trường phát triển bền vững; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh **[H1-1.3-04]**; Đoàn thanh niên là lực lượng nòng cốt trong phong trào của nhà trường, hoạt động theo khuôn khổ hiến pháp và pháp luật, theo chương trình, kế hoạch của đoàn xã và cấp trên phát động, tham gia xây dựng Đảng, hàng năm đoàn thanh niên giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng kết nạp **[H1-1.3-**

**05];** Hội Chữ thập đỏ là tổ chức xã hội hoạt động nhân đạo theo pháp luật Việt Nam, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện hoặc phối hợp tổ chức thực hiện hoạt động chữ thập đỏ, giúp đỡ nhân đạo, phòng ngừa ứng phó thảm họa, cùng Công đoàn nhà trường tham gia vận động hiến máu nhân đạo mỗi năm từ 15-20 đơn vị máu **[H1-1.3-03]**.

Định kỳ hằng năm nhà trường thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá các hoạt động của đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường. Công tác rà soát, đánh giá các hoạt động sau mỗi năm học của các tổ chức đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội khác được thực hiện nghiêm túc thông qua cuộc họp, hội nghị tổng kết để chỉ ra những tồn tại và phân tích nguyên nhân để từ đó bổ sung, điều chỉnh phương hướng phát triển của các đoàn thể theo sự chỉ đạo của cấp trên cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường trong các năm học tiếp theo **[H1-1.2-11]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-5]**.

Mức 2:

Nhà trường có Chi bộ Đảng gồm 26 đảng viên trực thuộc Đảng bộ xã Bình Minh, cơ cấu gồm 01 đồng chí Bí thư chi bộ, 01 đồng chí phó bí thư, 01 đồng chí ủy viên và 23 đảng viên, đạt tỷ lệ 61.9% CBGVNV là Đảng viên **[H1-1.3-06]**; Chi bộ hoạt động theo đúng điều lệ Đảng quy định, lãnh đạo các hoạt động của nhà trường và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, chi bộ sinh hoạt đều đặn 1 lần/tháng. Trong 5 năm vừa qua (từ năm 2018-2023) chi bộ có 3 năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và 2 năm 2018, 2020 được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ **[H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]**.

Hằng năm Công đoàn, Chi đoàn, Chi hội chữ thập đỏ luôn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực các hoạt động của nhà trường. Công đoàn thực hiện tốt việc chăm lo tốt đời sống của CBGVNV, hằng năm tổ chức tốt các đợt thăm quan học tập cho công đoàn viên, phối hợp với CMHS thực hiện tốt nhiệm vụ CSGD trẻ, làm tốt công tác vận động ủng hộ các loại quỹ với số tiền từ 40 - 65 triệu đồng/năm; Đoàn TNCSHCM luôn tham gia các hoạt động do đoàn xã phát động như tham gia tình nguyện viên chống dịch Covid19 trong thời gian cao điểm dịch bùng phát, hỗ trợ địa phương trong việc tiêm phòng Covid và hỗ trợ người dân cài đặt mã định danh điện tử cá nhân, cài đặt jHaNoi. Đoàn TNCSHCM được Ban chấp hành Đoàn xã khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hội viên chi hội chữ thập đỏ tích cực tham gia phong trào hiến máu nhân đạo, được từ 15 -20 đơn vị máu/năm, tặng quà cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp tết Trung Thu, tết Nguyên Đán, thu gom quần áo sách vở cho đồng bào lũ lụt và trẻ em vùng cao 2 lần/năm. Các đoàn thể đóng góp tích cực trong các hội thi GV giỏi, NV nuôi dưỡng giỏi, tham gia các hoạt động văn nghệ

và các hoạt động khác góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ trong nhà trường. Trong 5 năm qua, đã có 08 công đoàn viên được đứng trong hàng ngũ của Đảng [H1-1.2-11]; [H1-1.2-12]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-09].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp Chi bộ có 02 năm (2018, 2020) đạt Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 3 năm (2019, 2021, 2022) hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-08].

Các đoàn thể, tổ chức khác đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động, phong trào của nhà trường và mang lại nhiều thành tích đáng khích lệ, thúc đẩy hoạt động của nhà trường ngày một hiệu quả hơn như: Công đoàn đóng góp quỹ vì người nghèo, ủng hộ vùng núi vùng sâu vùng xa số tiền từ 40 – 65 triệu đồng/năm; Đoàn thanh niên đã tham dự hội thi văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày hội, ngày lễ lớn do nhà trường, UBND xã và huyện tổ chức; Hội chữ thập đỏ thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe trẻ và CBGVNV. Hằng năm đã vận động CBGVNV trong nhà trường tham gia tình nguyện hiến từ 15-20 đơn vị máu. Tuy nhiên, đa số Đ/c đoàn viên chi đoàn đang trong độ tuổi nuôi con nhỏ nên chưa có nhiều thời gian tham gia sinh hoạt chi đoàn [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10].

## 2. Điểm mạnh

Tổ chức chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định. Tỷ lệ CBGVNV là Đảng viên cao 61.9%. Hằng năm, các hoạt động của Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể được rà soát và đánh giá thường xuyên và có nhiều đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Chi bộ có 2 năm được xếp loại Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công đoàn, Chi đoàn thanh niên đóng góp tích cực góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ cũng như các phong trào thi đua của trường, của ngành, của địa phương.

## 3. Điểm yếu:

Đa số Đ/c đoàn viên chi đoàn đang trong độ tuổi nuôi con nhỏ nên chưa có nhiều thời gian tham gia sinh hoạt chi đoàn.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp
- Thực hiện tích cực, có hiệu quả các hoạt động cộng đồng như: hiến máu nhân đạo,	Năm học 2024-2025 và các năm	Chi bộ Đảng; BCH Công đoàn;	- Chi bộ nhà trường chỉ đạo BCH Công đoàn; Chi đoàn chủ động, linh

<p>công tác thiện nguyện, phong trào chia sẻ với cộng đồng do các cấp phát động.</p> <p>- Hằng năm, các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường duy trì phát huy tối đa hiệu quả để góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường.</p> <p>- Phát triển số lượng đảng viên từ tổ chức công đoàn và chi đoàn thanh niên</p>	<p>học tiếp theo</p>	<p>Chi đoàn TNCSHCM</p>	<p>hoạt trong việc lựa chọn các nội dung, hoạt động phù hợp nhằm phát huy được vai trò, sức mạnh của mỗi thành viên.</p> <p>- Tuyên truyền tốt việc gây quỹ hoạt động thiện nguyện, hiến máu nhân đạo dưới nhiều hình thức: phát thanh, thông báo, nêu các tấm gương điển hình...huy động sự đóng góp cả vật chất và tinh thần cho các công tác thiện nguyện.</p> <p>- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ để các quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng.</p>
---	----------------------	-------------------------	--

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1.

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất một (01) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) *Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

a) *Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

b) *Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường MN Bình Minh II là trường hạng I, có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT quy định Điều lệ trường MN gồm có: Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng. Đồng chí Đào Thị Bích Hương là hiệu trưởng được bổ nhiệm theo quyết định số 102/QĐ-UB ngày 11/4/2001, bổ nhiệm lại theo quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 31/05/2023. Đồng chí Lê Thị Tuyền - Phó hiệu trưởng phụ trách công tác giáo dục được bổ nhiệm theo quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 14/01/2009, bổ nhiệm lại theo quyết định số 4090/QĐ-UBND ngày 31/05/2023. Đồng chí Nguyễn Thị Hoa- Phó hiệu trưởng phụ trách công tác chăm sóc nuôi dưỡng, được bổ nhiệm theo quyết định số 957/QĐ-UBND ngày 27/06/2014; bổ nhiệm lại theo quyết định số 5074/QĐ-UBND ngày 29/06/2024 [**H1-1.4-01**].

Nhà trường có 03 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng theo đúng quy định tại Điều 13,14 Điều lệ trường MN. Năm học 2024-2025 nhà trường có: 03 tổ chuyên môn: 01 tổ nuôi dưỡng, 02 tổ chuyên môn giáo dục và 01 tổ văn phòng. Tổ nuôi dưỡng gồm 7 thành viên; tổ mẫu giáo 4-5 tuổi có 16 thành viên dạy trẻ; tổ mẫu giáo 3 tuổi và nhà trẻ có 11 thành viên; tổ văn phòng có 8 thành viên. Các tổ đều do Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập vào đầu mỗi năm học, mỗi tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó theo quy định. BGH 3 đồng chí tham gia sinh hoạt ở tổ Văn phòng [**H1-1.4-02**].

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã thực hiện xây dựng các kế hoạch hoạt động theo tháng, năm. Trên cơ sở đó, tổ chuyên môn và tổ văn phòng nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo từng tuần, tháng, học kỳ, năm học để đưa ra các công việc, đối tượng thực hiện và thời gian hoàn thành mỗi nội dung cụ thể. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, CSGD trẻ [**H1-1.4-03**]. Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị GD của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường đồng thời tham gia đánh giá, xếp loại GV

theo Chuẩn nghề nghiệp GV MN, đề xuất khen thưởng, kỷ luật GV. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ hai tuần/lần; Tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm nhằm phục vụ thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ. Giúp HT quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường. Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường, tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên. Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ ít nhất một tháng/lần theo nguyên tắc dân chủ, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn. Tuy nhiên nội dung sinh hoạt của các tổ chuyên môn chưa đa dạng phong phú, chưa có tính chủ động, chưa mạnh dạn có ý kiến đóng góp, thảo luận từ các tổ viên **[H1-1.4-04]**.

#### Mức 2:

Căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và tình hình thực tế của nhà trường, hàng năm các tổ chuyên môn đều thực hiện được nhiều chuyên đề để nâng cao chất lượng CSGD cụ thể như: Tổ chuyên môn dạy tổ chức các chuyên đề như: “Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”; “Giáo dục kỹ năng tự phục vụ và giáo dục tình yêu thương”; “Đổi mới hình thức tổ chức lĩnh vực phát triển nhận thức, phát triển ngôn ngữ”; “Kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ và kỹ năng phòng chống xâm hại trẻ em”; chuyên đề “Phát triển vận động”...; chuyên đề “Đổi mới thực đơn cho trẻ; vệ sinh an toàn thực phẩm và cách lựa chọn thực phẩm tươi ngon”... Tất cả các chuyên đề đều được xây dựng kế hoạch cụ thể, được BGH phê duyệt và triển khai đến 100% CBGVNV nên đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả CSGD trẻ của nhà trường **[H1-1.4-05]**.

Các tổ chuyên môn định kỳ sinh hoạt 2 tuần/1 lần. Tổ văn phòng họp định kỳ 1 lần/tháng. Các thành viên của tổ rà soát, đánh giá, điều chỉnh lại kế hoạch chung cho phù hợp với nội dung, mục tiêu chung của tổ và triển khai những hoạt động tiếp theo của tháng mới nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục. Tuy nhiên thời gian sinh hoạt chuyên môn của GV còn khó khăn để triệu tập có đủ 100% thành viên trong tổ. Nội dung họp của tổ văn phòng chưa phong phú **[H1-1.4-04]**.

#### Mức 3:

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện nghiêm túc kế hoạch đề ra, các thành viên trong tổ luôn trao đổi thảo luận và nêu ra điểm mạnh, khắc phục điểm yếu để rà soát, điều chỉnh nội dung các hoạt động phù hợp nhằm nâng cao chất lượng CSND và giáo dục trẻ. Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tự kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị GD của các thành viên trong tổ theo kế



hoạch của nhà trường; Tham gia đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN cuối năm. Các tổ hợp sinh hoạt 2 tuần/lần góp phần nâng cao chất lượng GD, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng (SDD), thấp còi, đảm bảo các lĩnh vực phát triển trên 85%: phát triển ngôn ngữ, phát triển thể chất, phát triển nhận thức, phát triển tình cảm xã hội, phát triển thẩm mỹ[ **H1-1.4-04**]. Hàng năm số GV đạt GV giỏi cấp huyện cao hơn, năm học 2023 - 2024 trường có 03 GVNV thi đạt giải nhì GVG, nhân viên nuôi dưỡng giỏi cấp huyện [**H1-1.4-06**];[**H1-1.2-11**].

Các tổ chuyên môn đã xây dựng cụ thể các kế hoạch thực hiện chuyên đề, tập trung thiết kế hoạt động mẫu sau đó bồi dưỡng cho GV thực hiện chuyên đề, mời đại diện BGH duyệt và bổ sung từng chuyên đề [**H1-1.4- 05**]. Tổ chuyên môn thực hiện tốt từ 2-3 chuyên đề thông qua các hoạt động như CSGD trẻ như: chuyên đề phát triển ngôn ngữ, phát triển nhận thức, chuyên đề thực hiện lấy trẻ làm trung tâm. GV thực hiện bằng cách tích hợp, lồng ghép các chuyên đề vào các hoạt động do đó việc thực hiện các chuyên đề chuyên môn rất hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [**H1-1.4-06**];[**H1-1.2-11**].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có tổ chức, cơ cấu theo đúng quy định Điều lệ trường MN: có Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng, có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng đầy đủ kế hoạch hoạt động và thực hiện có hiệu quả các chuyên đề, các hoạt động góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng CSGD trẻ.

## 3. Điểm yếu

Thời gian sinh hoạt chuyên môn còn khó khăn để triệu tập có đủ 100% thành viên trong tổ. Nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng còn chưa phong phú, chưa mạnh dạn có ý kiến đóng góp, thảo luận từ các tổ viên.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp
- Đổi mới nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ qua các hình thức tổ chức phong phú, sáng tạo. Phát huy tính chủ động mạnh dạn thảo luận và đóng góp ý kiến của các tổ viên tổ	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng, tổ phó	- BGH thường xuyên dự các buổi sinh hoạt của các tổ để đưa ra các ý kiến chỉ đạo, góp ý về nội dung sinh hoạt cũng như việc nhận xét đánh giá các thành viên nhằm góp phần nâng cao

chuyên môn và tổ văn phòng trong các buổi sinh hoạt chuyên môn. - Duy trì việc bồi dưỡng bồi dưỡng hằng năm để tiếp tục nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho các đồng chí tổ trưởng, tổ phó chuyên môn và các tổ viên.		các tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	hơn nữa chất lượng hoạt động của tổ. - Bồi dưỡng nâng cao năng lực chỉ đạo và điều hành các buổi sinh hoạt chuyên môn cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn và tổ văn phòng.
---	--	------------------------------------	---

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi/ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường phân chia số lượng trẻ và bố trí vào các nhóm, lớp theo đúng độ tuổi quy định, không có lớp ghép. Năm học 2023-2024, tính đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 12 nhóm lớp, trong đó có 10 lớp mẫu giáo gồm: 03 lớp mẫu giáo lớn (5-6 tuổi); 04 lớp mẫu giáo nhỏ (4-5 tuổi); 03 lớp mẫu

giáo bé (3-4 tuổi); 02 nhóm nhà trẻ (24-36 tháng). Các lớp học được tổ chức hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ trường MN và quy chế nuôi dạy trẻ [H1-1.2-11];[H1-1.5-01];[H1-1.5-02].

Nhà trường tổ chức cho 100% trẻ được học 2 buổi/ngày [H1-1.5-02].

Năm học 2019-2020; 2020-2021 và năm học 2022-2023 mỗi năm nhà trường có 1 trẻ khuyết tật học tại trường [H1-1.5-03].

Mức 2:

Số trẻ trong nhóm, lớp đảm bảo theo qui định Điều lệ trường MN cụ thể: Nhà trẻ 24-36 tháng có 50 trẻ/2 nhóm bình quân 25 trẻ/nhóm, các lớp mẫu giáo 3-4 tuổi có 80 trẻ/ 3 lớp bình quân 26.6 trẻ/lớp, các lớp mẫu giáo 4-5 tuổi có 94trẻ/4 lớp bình quân 23.5 trẻ/lớp, các lớp mẫu giáo 5-6 tuổi có 84 trẻ/3 lớp bình quân 28 trẻ/lớp. Các lớp nhà trẻ, 4&5 tuổi đảm bảo số trẻ theo quy định, các lớp 3 tuổi hơi đông hơn so với quy định [H1-1.5-01];[H1-1.5-02];[H1-1.5-04].

Mức 3:

Nhà trường hiện có 12 nhóm lớp, trong đó có 10 lớp mẫu giáo và 02 nhóm nhà trẻ đảm bảo theo quy định Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02];[H1-1.5-04].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có 12 lớp được phân chia theo đúng độ tuổi. Trẻ được học 2 buổi/ngày và không có lớp ghép.

## 3. Điểm yếu:

Các lớp 3 tuổi số trẻ /lớp 26.6 trẻ, hơi đông hơn so với quy định

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo để thực hiện
- Đảm bảo số trẻ/nhóm lớp theo đúng quy định. - Đảm bảo duy trì tỷ lệ học sinh/nhóm, lớp theo quy định.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Hiệu trưởng	- Căn cứ vào điều kiện thực tế tại như: số lượng trẻ trên địa bàn, số lượng phòng lớp học, số lượng giáo viên hằng năm để xây dựng kế hoạch tuyển sinh để đảm bảo số trẻ/nhóm lớp. - Tích cực tham mưu với huyện và xã sớm xây dựng khu trường mới để tăng thêm số phòng học.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### **Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, quản lý tài sản**

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật kịp thời với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương.

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ được lưu trữ đúng theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ trường MN như. Cụ thể như sau: Hồ sơ quản lý CBGVNV [**H1-1.6-01**]; Kế hoạch phát triển nhà trường [**H1-1.1-01**]; [**H1-1.1-02**]; hồ sơ quản lý chuyên môn CSND [**H1-1.6-02**]; hồ sơ quản lý chuyên môn giáo dục [**H1-1.6-03**]; hồ sơ quản lý tài sản cố định, tài chính [**H1-1.6-04**]; hồ sơ quản lý bán trú [**H1-1.6-05**]. Các loại văn bản được nhà trường lưu trữ bằng hai hình thức: lưu trữ bằng văn bản, lưu trữ vào bộ nhớ máy tính. Tất cả các hồ sơ, sổ sách, văn bản, tài liệu tham khảo của nhà trường đều được phân loại và sắp xếp vào từng cặp, hộp có dán nhãn mác đầy đủ, rõ ràng, thuận tiện cho việc sử dụng, tra cứu [**H1-1.6-06**].

Hàng năm, căn cứ vào quyết định giao dự toán ngân sách của UBND huyện Thanh Oai, nhà trường chỉ đạo bộ phận kế toán lập dự toán thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và CSVC, thực hiện công khai và định kỳ kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định và theo văn bản hiện hành. Nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính đảm bảo chính xác, đúng quy định; thực hiện nghiêm túc công tác công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 và Thông tư 09/2024 ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09];[H1-1.6-10]. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường hàng năm được xây dựng, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đảm bảo sự minh bạch, dân chủ, công khai thông qua Hội nghị cán bộ viên chức đầu năm học [H1-1.6-11].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính theo luật ngân sách, các nội dung liên quan đến tài chính đều được công khai. Hoạt động kiểm tra tài chính được nhà trường thực hiện theo đúng quy định, quản lý tốt tài sản của nhà trường, nhóm, lớp. Hàng năm, nhà trường kiểm tra CSVC đảm bảo nghiêm túc thực hiện công tác rà soát, đánh giá chất lượng tài sản, CSVC và giá trị sử dụng của từng loại tài sản theo từng tháng để có kế hoạch bổ sung, sửa chữa kịp thời nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động CSGD trẻ [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12].

#### Mức 2:

Để công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản có hiệu quả thì ngoài việc thiết lập hồ sơ quản lý khoa học nhà trường còn làm tốt việc ứng dụng CNTT với các phần mềm hỗ trợ như phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp và quản lý nhân sự. Các phần mềm đã phát huy hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, giúp nhân viên kế toán, văn thư giảm tải cường độ làm việc và đảm bảo độ chính xác tuyệt đối [H1-1.6-13].

Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của bộ phận cơ quan tài chính sau khi nhà trường được kiểm tra, quyết toán [H1-1.6-14].

#### Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch thu chi hàng năm nhưng chưa xây dựng được kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-10].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ công tác quản lý công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Hồ sơ được lưu trữ khoa học, đúng quy định. Từ năm học

2019-2020 đến nay, nhà trường nghiêm túc thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản theo quy định, thực hiện việc ứng CNTT vào quản lý tài chính, tài sản có hiệu quả và không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

### 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp
- Xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. - Hằng năm, duy trì tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản trong nhà trường.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng, kế toán	- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, nghiên cứu kỹ tình hình thực tế và xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn và tích cực làm tốt công tác tham mưu với các cấp để xin kinh phí cải tạo CSVC, mua sắm trang thiết bị phục vụ các hoạt động CSGD trẻ.

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

### Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hàng năm, vào đầu năm học nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ CBGVNV nhằm giúp GVNV nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ quản lý, CSGD trẻ thông qua các hoạt động bồi dưỡng lý thuyết, tổ chức các chuyên đề, sinh hoạt tổ khối, giao lưu học tập đơn vị bạn cách tạo môi trường giáo dục, ứng dụng CNTT, cách viết SKKN. Bên cạnh đó, BGH nhà trường tạo điều kiện cho đội ngũ CBGVNV tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, tham gia bồi dưỡng thường xuyên, dự các chuyên đề về công tác giáo dục, chăm sóc nuôi dưỡng trẻ do các cấp tổ chức **[H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]**.

Ngay đầu năm học, căn cứ vào vị trí việc làm của từng CBGVNV, nhà trường xây dựng kế hoạch phân công đối với từng CBGVNV căn cứ vào năng lực, sở trường đảm bảo đúng người, đúng việc, phù hợp giữa chuyên môn và vị trí việc làm nhằm giúp mỗi cá nhân phát huy tối đa những điểm mạnh của bản thân, hạn chế những điểm yếu giúp cho việc tổ chức, thực hiện nhiệm vụ của mỗi cá nhân đạt hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên, do đặc thù nhà trường có 97.5% CBGVNV là nữ, đại đa số chị em hiện đang trong độ tuổi sinh con nên có thời điểm số lượng CBGVNV nghỉ thai sản nhiều cũng gây khó khăn cho mọi hoạt động của nhà trường **[H1-1.7-03]; [H1-1.7-04]**.

CBGVNV nhà trường luôn được đảm bảo quyền lợi và các chế độ chính sách theo điều 16, 17, 37 điều lệ trường MN và theo Luật Viên chức; Luật Giáo dục như được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ CSGD trẻ; Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Được hưởng lương, phụ cấp nghề, phụ cấp chức vụ, tăng lương thường xuyên, tăng lương trước thời hạn **[H1-1.7-05]**; khám sức khỏe định kỳ, xong việc khám sức khỏe chưa được thường xuyên hàng năm do đợt dịch Covit **[H1-1.7-06]**; được hưởng chế độ khen thưởng và các chế độ khác khi đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định; Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định của pháp luật **[H1-1.7-07];[H1-1.7-08];[H1-1.7-09]**.

Mức 2:

Hàng năm nhà trường có các biện pháp phát huy được năng lực của CBGVNV trong việc xây dựng và phát triển để nâng cao chất lượng CSGD trẻ

nư: Thực hiện tốt công tác phân công đội ngũ đúng vị trí việc làm, đúng người đúng việc, đúng chuyên môn, bổ nhiệm các tổ trưởng, tổ phó có năng lực chuyên môn tốt, có tính kế thừa về độ tuổi và chuyên môn để mỗi cá nhân phát huy được những ưu điểm thế mạnh của mình trong thực hiện nhiệm vụ CSGD trẻ tại nhà trường[H1-1.7-03]. BGH duy trì việc họp giao ban sáng thứ hai hàng tuần, tăng cường công tác dự giờ thăm lớp, đánh giá xếp loại CCVC, người lao động hàng tháng đúng chất lượng [H1-1.7-10]; [H1-1.7-11]. Bên cạnh đó căn cứ vào nhiệm vụ năm học của ngành, nhiệm vụ trọng tâm nhà trường đã có các giải pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, GVNV: tổ chức các phong trào thi đua, động viên tuyên dương khen thưởng kịp thời những tấm gương điển hình, bình xét, đánh giá hàng tháng, xếp loại thi đua và trao thưởng qua các đợt sơ kết, tổng kết năm học, bồi dưỡng quan tâm đến đội ngũ cán bộ nguồn quy hoạch cho nhà trường [H1-1.4-06]; [H1-1.7-08]; [H1-1.7-12].

### 1. Điểm mạnh

Nhà trường đã phân công, sử dụng cán bộ quản lý, GVNV rõ ràng, hợp lý, đúng người, đúng việc, phù hợp giữa chuyên môn và vị trí việc làm đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Nhà trường thực hiện tốt các chế độ đảm bảo các quyền theo quy định cho CBGVNV, tổ chức các phong trào thi đua, động viên tuyên dương khen thưởng kịp thời những tấm gương điển hình, bình xét, đánh giá hàng tháng, xếp loại thi đua và trao thưởng qua các đợt sơ kết, tổng kết năm học, bồi dưỡng quan tâm đến đội ngũ cán bộ nguồn quy hoạch cho nhà trường.

### 1. Điểm yếu

Nhà trường có 97.5% CBGVNV là nữ, đại đa số chị em hiện đang trong độ tuổi sinh con nên có thời điểm số lượng CBGVNV nghỉ thai sản nhiều cũng gây khó khăn cho mọi hoạt động của nhà trường.

### 3. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân công, sử dụng CBGVNV hợp lý, đảm bảo các quyền lợi, đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường.</li> <li>- Duy trì hằng năm việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ</li> </ul>	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, BCH công đoàn; tổ trưởng các tổ chuyên môn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà trường ra quyết định phân công nhiệm vụ cho CBGVNV phù hợp với năng lực và vị trí việc làm.</li> <li>Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề hàng năm.</li> </ul>



CBGVNV.			
---------	--	--	--

#### 4. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

#### Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

#### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục trẻ theo chương trình GDMN Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016; Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT. Nhà trường căn cứ kế hoạch năm học của Phòng GD&ĐT, căn cứ điều kiện thực tế nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục năm học phù hợp với qui định, với tình hình thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, kế hoạch giáo dục các khối lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung phù hợp với từng độ tuổi [H1-1.1-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo đủ 35 tuần theo hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học và chỉ đạo 100% GV nghiêm túc thực hiện kế hoạch giáo dục đúng kế hoạch đã xây dựng, tuyệt đối không cắt xén chương trình, không bỏ giờ. Việc thực hiện kế hoạch giáo dục của GV được BGH, tổ chuyên môn giám sát chặt chẽ, hiệu quả. Song việc ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục của một số GV chất lượng chưa cao [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Kế hoạch GD của các lớp xây dựng được gửi cho tổ chuyên môn duyệt trước một tuần và bổ sung những thiếu sót. Đồng thời có kế hoạch rà soát đánh giá, kiểm tra như BGH dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm sau đó tổ chuyên môn tiến hành họp để rà soát, đánh giá các kế hoạch giáo dục căn cứ vào mục tiêu đã xây dựng và kết quả đạt được hàng ngày, kết quả đánh giá hàng tháng nếu thấy bất cập, chưa hợp lý hoặc chưa hiệu quả nhà trường sẽ bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp, kịp thời với trẻ theo từng độ tuổi **[H1-1.4-04]; [H1-1.8-02];[H1-1.8-03]**.

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Đồng chí Phó HT khối giáo dục chỉ đạo triệu tập tổ trưởng tổ chuyên môn mẫu giáo, tổ trưởng tổ chuyên môn nhà trẻ, GV khối trưởng các khối nhà trẻ, mẫu giáo, tập trung thảo luận về các vấn đề đổi mới trong năm học, các vấn đề còn tồn tại của năm cũ để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với từng độ tuổi theo thông tư 28/2006/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016; Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 30/12/2020 và phù hợp điều kiện thực tế của địa phương và của nhà trường. Hằng năm nhà trường nghiêm túc thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ theo đúng kế hoạch đã xây dựng như: Kiểm tra thăm lớp dự giờ, kiểm tra toàn diện GV, kiểm tra chuyên đề xây dựng MTHT lấy trẻ làm trung tâm 1 lần/lớp, kiểm tra hồ sơ sổ sách các nhóm lớp 2 lần/năm: các lớp có đủ các loại hồ sơ sổ sách, cập nhật hàng ngày, trình bày sạch sẽ khoa học. Kiểm tra thường xuyên các hoạt động CSGD trẻ của 100% GV để bồi dưỡng chuyên môn trực tiếp cho GV **[H1-1.7-10]**. BGH thực hiện nghiêm túc công tác dự giờ, thăm lớp theo quy định **[H1-1.8-03]**; Kiểm tra ATTP, giao nhận thực phẩm, kiểm tra y tế, kiểm tra đột xuất, kiểm tra xác xuất. Duy trì việc họp giao ban BGH vào sáng thứ 2 hàng tuần **[H1-1.8-04]**. Được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả, Năm học 2019 – 2020 nhà trường có 02 GV đạt giải ba, 2 GV đạt giải khuyến khích cuộc thi GV giỏi cấp Huyện. Năm học 2020-2021 có 01 GV đạt giải nhì; 01 giải khuyến khích, 02 giải ba trong hội thi GV giỏi cấp huyện, cuộc thi kỹ năng CNTT có 1 GV đạt giải nhất. Năm học 2021-2022 nhà trường có 01 GV đạt giải ba, 01 GV đạt giải khuyến khích cuộc thi GV giỏi cấp Huyện. Năm học 2022-2023 nhà trường có 01 GV đạt giải nhì, 01 GV đạt giải ba và 01 GV đạt giải khuyến khích cuộc thi GV giỏi cấp Huyện. Năm học 2023-2024 nhà trường có 02 GV đạt giải nhì cuộc thi GV giỏi cấp Huyện, 01 GV đạt giải ba thi CNTT và 01 GV đạt 02 giải nhì cuộc thi thiết kế bài giảng Elearning cấp Huyện **[H1-1.8-05]; [H1-1.4-06 ]**.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng, thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục và thường xuyên có sự đánh giá, rà soát, điều chỉnh đảm bảo theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương. Hàng năm có nhiều GV thi đạt giải cao GV giỏi cấp huyện.

### 3. Điểm yếu

Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục của một số GV chất lượng đạt chưa cao.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp
Duy trì và phát huy hiệu quả công tác quản lý để nâng cao chất lượng CSGD trẻ. Bồi dưỡng ứng dụng CNTT trong hoạt động giáo dục cho GV đảm bảo chất lượng	Năm học 2024- 2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng; các phó hiệu trưởng, tổ trưởng CM	Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá và bổ sung kịp thời các nội dung để kế hoạch CSGD trẻ đạt hiệu quả cao hơn. Tổ chức các CNTT cho GV, cách soạn giáo án, chăm ăn trên phần mềm nuôi dưỡng, làm giáo án điện tử Powerpoint.... đảm bảo chất lượng dạy trẻ

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

### Tiêu chí 1.9: Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm CBGVNV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về ban hành quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan; Thông tư 11/2020/TT-BGD&ĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục tại cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường [H1-1.9-01], hội nghị viên chức, người lao động đầu năm học, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch tuyển sinh, các nội quy, quy định, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử CBGVNV trong nhà trường, tổ chức các phong trào thi đua, báo cáo sơ kết, tổng kết, các chế độ chính sách liên quan đến quyền và lợi ích của CBGVNV. Việc xây dựng CSVC trường học, các khoản thu chi tài chính, các quyền lợi chế độ của CBGVNV và học sinh, về khen thưởng kỷ luật và báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm. Mọi hoạt động, chế độ, chính sách của nhà trường đều được đưa ra bàn bạc công khai, lấy ý kiến biểu quyết và thống nhất trong toàn trường. Sau khi lấy ý kiến thảo luận và được sự thống nhất của CBGVNV nhà trường mới đưa vào triển khai thực hiện [H1-1.9-02];[H1-1.9-03].

Nhà trường luôn phát huy quyền dân chủ của CBGVNV, đồng thời thực hiện tốt QCDC, chế độ công khai theo quy định. Các ý kiến phản ánh đề xuất của CBGVNV, cha mẹ trẻ đều được nhà trường giải quyết kịp thời thỏa đáng đúng quy định pháp luật, không có đơn thư nào vượt cấp. Trong thời điểm hiện tại và những năm học vừa qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo [H1-1.2-11]; [H1-1.9-02].

Hằng năm, nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất việc thực hiện QCDC ở cơ sở. CBGVNV được tham gia thảo luận, lấy ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế... liên quan đến hoạt động của nhà trường trong Hội nghị viên chức, người lao động theo Thông tư 11/2020/TT-BGD&ĐT ngày 19/5/2020. Báo cáo luôn đảm bảo tính chính xác, khách quan, đầy đủ, thống nhất, kịp thời và đúng thời gian, đầy đủ nội dung theo quy định [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường tổ chức tốt hội nghị đối thoại giữa HT với CBGVNV và đại diện CMTE để giải đáp các thắc mắc, nâng cao chất lượng CSGD trẻ [H1-1.9-05]. Có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện QCDC trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, tổ chức Công đoàn như: Giám sát việc thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, nhiệm vụ công tác của đơn vị, giám sát việc thực hiện QCDC, các chế độ chính sách, tài chính, tài sản của cơ quan đơn vị, giám sát việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, giám sát việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí, giám sát công tác thi đua, khen thưởng. Nhà trường luôn công khai các khoản đóng góp của người học, việc sử dụng kinh phí và chấp hành chế độ thu, chi, quyết toán theo quy định hiện hành. Giải quyết các chế độ, quyền lợi, đời sống vật chất, tinh thần cho nhà giáo, cán bộ, công chức, cho người học. Việc thực hiện tuyển dụng, nâng lương thường xuyên, trước thời hạn, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức. Công khai thực hiện những vấn đề về tuyển sinh và thực hiện đánh giá xếp loại học sinh theo từng năm học. Việc công khai được thể hiện qua việc niêm yết công khai, ở hội nghị họp hội đồng sư phạm, hội nghị CBCCVC, sơ kết, tổng kết, nhận xét, đánh giá công chức, viên chức hàng năm. Tuy nhiên do Ban thanh tra nhân dân, BCH công đoàn còn kiêm nhiệm nên thời gian dành cho việc giám sát chưa nhiều [H1-1.9-02]; [H1-1.9-04].

### 1. Điểm mạnh:

Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt QCDC ở cơ sở, tổ chức hội nghị đối thoại, CBGVNV trong nhà trường được tham gia đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, hàng năm có báo cáo thực hiện QCDC tại cơ sở.

### 2. Điểm yếu:

Ban thanh tra nhân dân còn kiêm nhiệm nên thời gian dành cho việc giám sát chưa nhiều.

### 3. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp
- Tăng cường thực hiện QCDC để phát huy tối đa sức mạnh tập thể trong nhà	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp	Hiệu trưởng	- Thực hiện nghiêm túc Thông tư 36/2017/TT -BGD&ĐT ngày 28/12/2017 về thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở

trường. - Thực hiện giảm giờ dạy và quy đổi một số hoạt động chuyên môn khác ra giờ dạy cho cán bộ, GV kiêm nhiệm ban thanh tra nhân dân.	theo		GD&ĐT. - Chú trọng làm rõ trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, trách nhiệm của CBGVNV; những việc CBGVNV cần phải biết; những việc CBGVNV tham gia ý kiến Thủ trưởng quyết định, những việc cán bộ viên chức giám sát kiểm tra. - Thực hiện theo Thông tư số: 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 Quy định chế độ làm việc đối với GVMN.
--	------	--	--

**5. Tự đánh giá: Đạt mức 2**

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy

*nổ; an toàn phòng chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

Nhà trường có phương án cụ thể đảm bảo an ninh trật tự trong trường. Nhân viên bảo vệ của trường trực 24/24h và có kinh nghiệm trong công tác an ninh và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc Thông tư 13/2010/TT-BGDĐT ngày 15/4/2010; Thông tư 45/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN. Xây dựng kế hoạch, thành lập ban chỉ đạo phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ. Xây dựng phương án PCCC trong nhà trường và đã được cấp trên phê duyệt, lắp đặt bình chữa cháy và đặt ở vị trí dễ thấy, dễ sử dụng. Bình gas của bếp lắp đặt hệ thống đảm bảo an toàn, hệ thống đường điện, ổ điện thường xuyên được kiểm tra và thay thế, sửa chữa. Có phương án đảm bảo VSATTP; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường **[H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]**. Công tác VSATTP nhà trường luôn quan tâm, chú trọng nguồn thực phẩm phục vụ tại bếp ăn đảm bảo chất lượng, hợp vệ sinh có nguồn gốc rõ ràng chính vì vậy trường đã ký hợp đồng với 100% các đơn vị cung ứng thực phẩm đã được phòng y tế huyện phê duyệt thẩm định, có uy tín, có chất lượng tốt để đảm bảo an toàn cho trẻ, phân công CBGVNV kết hợp nhận và kiểm tra chất lượng thực phẩm tuyệt đối không nhận thực phẩm kém chất lượng, hằng ngày có lưu mẫu thực phẩm theo đúng quy định. Bếp ăn cam kết đủ điều kiện ATTP, trường học an toàn **[H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]**.

Nhà trường có hòm thư góp ý được treo ở cổng trường để CMHS và người dân phản ánh thông tin, hiệu trưởng mỗi tuần mở kiểm tra hòm thư 1 lần. BGH thực hiện nghiêm túc việc trực văn phòng để tiếp công dân và CMTE đến liên hệ công việc, tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân. Phân công GV thực hiện tốt giờ đón và trả trẻ để tiếp nhận các ý kiến trao đổi của CMTE. Công khai số điện thoại của hiệu trưởng, GV chủ nhiệm, số điện thoại của trạm y tế, công an xã, PCCC để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của phụ huynh, người dân; đảm bảo an toàn cho CBGVNV và trẻ trong nhà trường. Mọi ý kiến được giải đáp thắc mắc kịp thời, không có đơn thư trong nhà trường **[H1-1.10-06]; [H1-1.2-11]**.

Trong những năm qua nhà trường đã xây dựng được tập thể sư phạm nhà trường luôn đoàn kết, thân thiện, mọi học sinh đều được đối xử công bằng như nhau, không phân biệt đối xử, không có hiện tượng kỳ thị, không có hiện tượng bảo hành trẻ, không vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường, chưa có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường **[H1-1.2-11]; [H1-1.10-04]**.

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường tổ chức cho 100% CBGVNV và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện các phương án đảm bảo an toàn cụ thể như: Tham gia các lớp tập huấn PCTNTT, chỉ đạo GVNV nghiêm túc thực hiện Thông tư 13/2010/TT-BGDĐT; Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về xây dựng trường học an toàn, PCTNTT; đôn đốc GV thường xuyên tiến hành kiểm tra các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, rà soát các khu vực sinh hoạt, học tập của trẻ để kịp thời phát hiện và khắc phục những yếu tố gây mất an toàn cho trẻ. Để không xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm, bệnh dịch lây lan trong nhà trường, BGH chỉ đạo toàn trường nghiêm túc thực hiện theo kế hoạch phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm. Đầu mỗi năm học, nhà trường liên hệ với công an PCCC tổ chức cho CBGVNV học tập bồi dưỡng lý thuyết và thực hành công tác PCCC, cấp giấy chứng nhận cho đội PCCC cơ sở. Nhà trường trang bị đầy đủ hồ sơ, các trang thiết bị PCCC theo quy định, thành lập Ban chỉ huy và xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện công tác PCCC tại đơn vị với các phương án diễn tập cụ thể **[H1-1.10-02]**. Nhà trường xây dựng các hoạt động hướng dẫn trẻ kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ, xâm hại để trẻ có kỹ năng tự bảo vệ bản thân qua các chuyên đề “ Kỹ năng thoát hiểm khi gặp hỏa hoạn, Kỹ năng xử lý tình huống khi bị bắt cóc”. Nhà trường luôn xây dựng, thực hiện tốt các phương án, có sự phối kết hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương nên tình hình an ninh trật tự, an toàn của nhà trường luôn được đảm bảo an ninh trật tự. Nhà trường không có biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường. Trong 5 năm qua không có dịch bệnh, tai nạn thương tích và ngộ độc thực phẩm xảy ra trong nhà trường. Tuy nhiên, do đặc thù 97.5% CBGVNV trường MN Bình Minh II là nữ nên việc thực tập phương án PCCC đôi khi còn gặp nhiều khó khăn **[H1-1.8-01]**.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra thực tế các lớp, các bộ phận và thu thập thông tin, đánh giá kịp thời các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự **[H1-1.8-04]**; BGH thường xuyên chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, thu thập các thông tin ảnh hưởng đến trật tự an toàn trong trường học, CSVC của lớp học, phát hiện những chỗ có nguy cơ không an toàn cho cô và trẻ để khắc phục kịp thời, đồng thời thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin của đồng



nghiệp, CMTE trao đổi để quán triệt nhắc nhở GVNV và có biện pháp ngăn chặn kịp thời các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Duy trì hệ thống camera ở khu vực bên ngoài khu trường để phục vụ cho việc đảm bảo an ninh trường học và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, kiểm tra nhắc nhở GVNV trong quá trình CSGD trẻ [H1-1.2-11].

### 1. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự; VSATTP; an toàn PCTNTT; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. 100% CBGVNV và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện các phương án. Trong những năm qua nhà trường đảm bảo an toàn tuyệt đối cho CBGVNV và trẻ.

### 2. Điểm yếu:

Do đặc thù 97.5% CBGVNV là nữ nên việc thực tập phương án PCCC còn gặp nhiều khó khăn.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường kiểm tra, giám sát và phối kết hợp với các phòng ban chức năng của xã Bình Minh II và CMHS để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.</li> <li>- Tổ chức luyện tập phương án PCCC thường xuyên.</li> </ul>	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng; 2 phó hiệu trưởng và Giáo viên, nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên phối kết hợp với công an xã Bình Minh II để đảm bảo an ninh trật tự cho CBGVNV và trẻ.</li> <li>- Kiểm tra chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm các đơn vị cung ứng thực phẩm để đảm bảo an toàn.</li> <li>- Tăng cường công tác tổng vệ sinh thường xuyên để phòng chống dịch bệnh.</li> <li>- Xây dựng kế hoạch thực tập phương án theo đặc thù nhà trường. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho CBGVNV.</li> </ul>

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt

a	Đạt	a	Đạt	-	
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

### **Kết luận về tiêu chuẩn 1:**

Trường MN Bình Minh II có cơ cấu tổ chức bộ máy ổn định theo quy định của Điều lệ trường MN. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động, phương hướng chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với quy định pháp luật, với văn bản hướng dẫn của các cấp lãnh đạo, với điều kiện thực tế của nhà trường, với đặc thù của địa phương. Số trẻ đến lớp được phân chia theo độ tuổi, 100% trẻ được học 02 buổi/ngày. Mọi hoạt động của nhà trường đều có kế hoạch chỉ đạo theo tuần, tháng, năm học và 100% CBGVNV nghiêm túc thực hiện đúng theo kế hoạch đã xây dựng. Công tác đánh giá CBGVNV của nhà trường được thực hiện nghiêm túc, công khai, dân chủ, công bằng, CBGVNV yên tâm công tác, tích cực phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Nhà trường xây dựng và thực hiện hiệu quả các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, phòng chống ngộ độc thực phẩm vì vậy nhà trường luôn đạt kết quả tốt trong các đợt kiểm tra. Trong 5 năm học, nhà trường đã đạt được một số thành tích cao trong công tác CSGD trẻ và các phong trào thi đua. Bên cạnh những kết quả đã đạt được nhà trường vẫn còn một số hạn chế như: Phương hướng, chiến lược của nhà trường chưa được đăng tải trên trang Website của đơn vị, nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. Ban thanh tra nhân dân, BCH công đoàn còn kiêm nhiệm nên việc thực hiện các biện pháp, cơ chế giám sát còn chưa đảm bảo thời gian theo kế hoạch, các tổ chuyên môn chưa thực sự chủ động, chưa có nhiều sáng tạo đổi mới hình thức trong công tác triển khai các hoạt động chuyên môn đến các thành viên trong tổ, chưa phát huy hết được vai trò của tổ chuyên môn trong công tác CSND và giáo dục trẻ.

#### **\* Đánh giá:**

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 10/10;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/10.

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 10/10;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/10.

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 4/5;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 1/5.

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.**

**Mở đầu:**

Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường có thâm niên công tác lâu năm trong ngành giáo dục, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý vững vàng, có các văn bằng chứng chỉ theo quy định của pháp luật. Đội ngũ CBGVNV đảm bảo đủ số lượng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của liên Bộ GDĐT-Bộ Nội vụ; Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT. Đội ngũ CBGVNV có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đều đạt chuẩn 100% và GV trên chuẩn 85.2%. Hằng năm, đội ngũ CBGVNV của nhà trường được đánh giá xếp loại đảm bảo theo yêu cầu. CBGVNV nhà trường thực hiện nghiêm túc việc tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực công tác, biết vận dụng sáng tạo, có hiệu quả phương pháp giáo dục và ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu của xã hội về phát triển GDMN.

**Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.**

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hiệu trưởng và các phó HT được bổ nhiệm theo đúng quy trình hướng dẫn của Ban tổ chức huyện ủy và UBND huyện Thanh Oai. HT và các phó HT đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiều năm là GV giỏi cấp huyện, cấp tỉnh (thành phố), chiến sỹ thi đua cơ sở trước khi làm công tác quản lý. Tất cả đều có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh không vi phạm đạo

đức nhà giáo. Đồng chí Hiệu trưởng Đào Thị Bích Hương, được bổ nhiệm lại theo quyết định 4033/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 có thời gian công tác liên tục trong ngành GDMN 38 năm, trong đó có 26 năm làm công tác quản lý. Đ/c PHT phụ trách GD Lê Thị Tuyền được bổ nhiệm lại theo quyết định 4090/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 có 19 năm công tác liên tục trong ngành GDMN trong đó có 15 năm làm công tác quản lý. Đ/c PHT phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng Nguyễn Thị Hoa được bổ nhiệm lại theo quyết định 5074/QĐ-UBND ngày 29/06/2024 có 30 năm công tác liên tục trong ngành GDMN trong đó có 10 năm làm công tác quản lý. BGH nhà trường đạt chuẩn theo quy định Điều 10 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Điều lệ Trường MN. Các Đ/c đều có trình độ đại học chuyên ngành GDMN phù hợp với vị trí lãnh đạo quản lý, có chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý GD, quản lý nhà nước, có bằng trung cấp lý luận chính trị hành chính, có chứng chỉ trình độ tin học ứng dụng CNTT, chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ B và A2, có chứng chỉ bồi dưỡng GVMN hạng II theo quy định về chức danh nghề nghiệp. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, nắm vững chuyên môn và có năng lực tổ chức, quản lý các hoạt động chuyên môn của nhà trường. Có sức khỏe tốt để làm việc. Tuy nhiên trình ngoại ngữ còn hạn chế **[H1-1.6-01];[H2-2.1-01]**.

Hàng năm cả 3 đ/c trong BGH đều thực hiện tự đánh giá và được đánh giá chuẩn HT, phó HT theo thông tư 25/2018/TT-BGDĐT đạt loại khá và tốt theo quy định chuẩn HT và phó HT **[H2-2.1-02]**.

Hiệu trưởng và các Phó HT thường xuyên được tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tiên tiến với các chuyên gia, giảng viên có uy tín; xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; PCTNTT, phòng chống cháy nổ; giáo dục tình yêu thương và kỹ năng tự phục vụ, phòng chống dịch bệnh và VSATTP, đổi mới hình thức tổ chức lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, nhận thức, các chuyên đề chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của ngành GD&ĐT, thành phố và huyện tổ chức **[H1-1.7-02]; [H2-2.1-01]**.

Mức 2:

Trong 5 năm đến thời điểm đánh giá đồng chí HT, phó HT đều được thực hiện đánh giá xếp loại theo quy định chuẩn HT và phó HT. Kết quả đánh giá Đ/c HT và 02 Đ/c phó HT đều được xếp loại Tốt theo chuẩn HT **[H2-2.1-02]**.

Các đồng chí trong BGH có trình độ trung cấp lý luận chính trị theo quy định. Hàng năm, HT và các phó HT đều được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chính trị trong dịp hè như: Tham gia nghe thời sự trong nước và nước ngoài; tình hình biên đảo Việt Nam; tình hình kinh tế chính trị Huyện Thanh Oai, học tập các nghị quyết Trung ương. Các đồng chí HT và phó HT đều là

những cán bộ quản lý gương mẫu, có phẩm chất đạo đức tốt được GVNV trong trường tín nhiệm [H2-2.1-01];[H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 đ/c HT và 2 đ/c phó HT tự đánh giá chuẩn HT và cấp trên đánh giá đạt chuẩn HT ở mức tốt [H2-2.1-02].

## 2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, có thâm niên lâu năm, trình độ đào tạo trên chuẩn, năng lực quản lý tốt, chuyên môn vững vàng, chỉ đạo tốt các hoạt động CSGD trong nhà trường; tham gia đầy đủ bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ.

## 3. Điểm yếu

Khả năng giao tiếp Tiếng Anh của HT, Phó HT còn hạn chế.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp
Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng tăng cường tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng sử dụng Tiếng Anh. Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn để đồng chí hiệu trưởng xếp loại tốt.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng	- Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn do Sở GD&ĐT Hà Nội, phòng GD&ĐT huyện Thanh Oai tổ chức. - Tự nghiên cứu tài liệu, cập nhật các văn bản chỉ đạo kịp thời để nâng cao hiệu quả quản lý. - Tăng cường tự học tiếng anh qua Internet; qua các trung tâm để nâng cao kỹ năng sử dụng tiếng Anh.

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

## **Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường khó khăn ít nhất đạt 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn đào tạo được duy trì, ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức đạt trở lên, trong đó 60% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với những trường thuộc vùng khó khăn.
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%; đối với các trường khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với các trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức tốt.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có đủ số lượng GV theo quy định tại Thông tư 06/2015/TTLT- BGDDĐT-BNV ngày 16/3/2015, Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT. Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức làm việc trong cơ sở GDMN công lập, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định cụ thể: năm học 2023-2024 nhà trường có 27 GV. Trong đó có 05 GV nhà trẻ dạy 2 nhóm đảm bảo 2,5 GV/nhóm, 22 GV mẫu giáo dạy 10 nhóm lớp mẫu giáo đảm bảo 2,2 GV/lớp [H2-2.2- 01]; [H1-1.7- 03].

Nhà trường có 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo Cao đẳng sư phạm MN theo quy định, trong đó: 23/27 GV có trình độ Đại học sư phạm MN đạt trên chuẩn chiếm tỷ lệ 85.2% [H2-2.2- 01];[H2-2.2- 02].

Xếp loại chuẩn nghề nghiệp GV hàng năm nhà trường có 100% GV xếp loại đạt trở lên, không có GV xếp loại trung bình, kém theo quy định về chuẩn nghề nghiệp GVMN theo Quyết định 02 và Thông tư 26 của Bộ GD&ĐT [H1-1.2-11];[H2-2.2-03].

Mức 2:

Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất cho GV đi học để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Chính vì vậy tỷ lệ GV có trình độ trên chuẩn được nâng lên theo từng năm học cụ thể như sau: Năm học 2019-2020 nhà trường có 33 GV trong đó có 23/33 GV có trình độ trên chuẩn đạt tỷ lệ 70%; Năm học 2023-2024 nhà trường có 23/27 GV đạt trình độ trên chuẩn đạt tỷ lệ 85.2% [H2-2.2- 01];H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp nhà trường có 100% GV được đánh giá xếp loại theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp GVMN đạt kết quả 100% từ mức đạt trở lên cụ thể: Năm học 2019-2020 có 04/35 xếp loại tốt đạt 11%; 16/35 xếp loại khá đạt 46%; 15/35 xếp loại tốt đạt 46%; Năm học 2020-2021 có 05/28 xếp loại đạt 18%; 17/28 xếp loại khá đạt 29%; 06/28 xếp loại tốt đạt 21%. Năm học 2021-2022 có 05/28 xếp loại đạt đạt 18%; 19/28 xếp loại khá đạt 68%, 04/28 xếp loại tốt đạt 14%. Năm học 2022-2023 có 11/27 xếp loại tốt đạt 41%; 17/27 xếp loại khá đạt 63%; Năm học 2023-2024 có 13/27 xếp loại tốt đạt 42%; 17/30 xếp loại khá đạt 58% [H2-2.2-03];[H1-1.2-11].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.2-11].

Mức 3:

Năm học 2023-2024 số GV của nhà trường đạt trình độ trên chuẩn là 23/27 GV đạt 85.2% đảm bảo tốt yêu cầu CSGD trẻ [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỉ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên là 85% trở lên. Trong đó có ít nhất 50% trở lên GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt [H2-2.2-03].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng GV theo quy định tại Thông tư 06/2015/TTLT- BGDĐT-BNV, Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT , 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, trong đó trên chuẩn chiếm tỷ lệ cao 85.2%. Hàng năm 100% GV được đánh giá xếp loại theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp GVMN do Bộ GD&ĐT ban hành kết quả đạt khá và tốt cao. Đội ngũ GV nhiệt tình, có chuyên môn vững vàng, giàu lòng yêu thương trẻ, tận tâm với nghề.

## **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ GV xếp loại tốt chuẩn nghề nghiệp GVMN chưa cao

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian thực hiện	Giải pháp thực hiện
Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ GV đạt chuẩn nghề nghiệp xếp loại tốt từ 50% trở lên	- BGH - Giáo viên	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	- Tăng cường công tác tự bồi dưỡng và bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ GV - BGH tích cực dự giờ thăm lớp. Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng các chuyên đề, đổi mới sinh hoạt chuyên môn cho GV

#### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	-	
Đạt		Đạt		Đạt	

#### Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm bảo các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

#### 1. Mô tả hiện trạng



Nhà trường có 12 đồng chí nhân viên, trong đó: 01 nhân viên kế toán; 01 nhân viên y tế; 02 nhân viên phục vụ; 07 nhân viên nuôi dưỡng; 01 nhân viên bảo vệ đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công **[H1-1.7-03]; [H2-2.2-01]**.

100% nhân viên được phân công nhiệm vụ đúng người, đúng việc, phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác của bản thân như: nhân viên nuôi dưỡng thực hiện nhiệm vụ chế biến nấu ăn cho trẻ và ăn Công đoàn, tham gia xây dựng thực đơn và đảm bảo VSATTP; nhân viên y tế thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe trẻ, đảm bảo phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, phòng chống tai nạn thương tích; nhân viên kế toán thực hiện các nhiệm vụ về công tác tài chính, thu chi, thực hiện chế độ chính sách của CBGVNV, học sinh; nhân viên phục vụ thực hiện công tác văn thư và thủ kho, thủ quỹ nhà trường; nhân viên bảo vệ trực bảo vệ tại nhà trường **[H1-1.7-03]**.

Nhân viên trong nhà trường luôn thực hiện tốt nội quy, quy chế của ngành và của trường, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. 100% nhân viên được đánh giá hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tuy nhiên do bảo vệ hợp đồng trường nên mức lương thấp chưa đảm bảo cuộc sống **[H1-1.7-11]**.

#### Mức 2:

Năm học 2023-2024 nhà trường có 12 đồng chí nhân viên, trong đó: 01 nhân viên kế toán; 01 nhân viên y tế; 02 nhân viên phục vụ; 07 nhân viên nuôi dưỡng; 01 nhân viên bảo vệ hợp đồng trường **[H1-1.7-03];[H2-2.2-01]**.

Đội ngũ nhân viên luôn nhiệt tình, trách nhiệm với công việc và luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có Đ/c nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên **[H1-1.7-11]; [H1-1.2-11]**.

#### Mức 3:

Đội ngũ nhân viên của nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí làm việc cụ thể: Có 01 nhân viên kế toán trình độ Đại học chuyên ngành kế toán, 01 đồng chí nhân viên y tế có trình độ trung cấp chuyên ngành y sĩ, 01 nhân viên phục vụ làm công tác thủ quỹ có trình độ trung cấp kế toán, 01 nhân viên phục vụ làm công tác văn thư kiêm thủ kho có trình độ Cao đẳng kế toán, nhưng chưa có nghiệp vụ văn thư lưu trữ, 07 nhân viên nuôi dưỡng: 06 đ/c có trình độ cao đẳng chuyên ngành nấu ăn, 01 đ/c có trình độ trung cấp nấu ăn; 01 nhân viên bảo vệ qua lớp bồi dưỡng an ninh trật tự và PCCC **[H2-2.3-01]; [H2-2.2-01]**.

Hàng năm 100% Đ/c nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng vị trí việc làm cụ thể như: nhân viên nuôi dưỡng được tham dự các chuyên đề chế biến món ăn, VSATTP, PCCC; nhân viên kế toán được tập huấn sử dụng các phần mềm quản lý thu, chi;

nhân viên văn thư được tập huấn các phần mềm quản lý văn bản và nghiệp vụ văn thư; nhân viên y tế được tập huấn công tác y tế trường học, đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh; nhân viên bảo vệ được tập huấn nghiệp vụ PCCC ...[H2-2.3-02];[H1-1.7-02].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên để đảm nhận các công việc do hiệu trưởng phân công đúng vị trí việc làm cho các nhân viên. 100% nhân viên kế toán, y tế, nhân viên nuôi dưỡng được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## 3. Điểm yếu

Nhân viên văn thư chưa có nghiệp vụ văn thư lưu trữ, nhân viên bảo vệ hợp đồng trường, mức lương thấp không đảm bảo đời sống.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp
- Tập huấn bồi dưỡng công tác nghiệp vụ văn thư - Nâng cao đời sống cho nhân viên bảo vệ	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	- Hiệu trưởng - Văn thư, bảo vệ	Khuyến khích động viên nhân viên văn thư tự nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cử nhân viên văn thư tham gia các lớp tập huấn theo quy định - Tham mưu tuyển hợp đồng bảo vệ theo Nghị định 111, tiết kiệm chi, tăng lương hợp đồng trường cho nhân viên bảo vệ đảm bảo mức sống

## 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

## Kết luận về tiêu chuẩn 02.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, GVNV đủ tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường MN theo Thông tư 52/2020/TT-BGD&ĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, tỷ lệ GV có trình độ trên chuẩn cao

85.2%. Nội bộ nhà trường đoàn kết, thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao, không có CBGVNV vi phạm kỷ luật từ khiển trách trở lên. Nhà trường luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho CBGVNV học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao. CBGVNV đã có sự vận dụng sáng tạo, có hiệu quả phương pháp giáo dục và ứng dụng tốt CNTT trong việc tổ chức các hoạt động của cô và trẻ nên chất lượng CSGD trẻ ngày càng được nâng lên. Bên cạnh đó nhà trường còn gặp khó khăn là Nhân viên văn thư chưa có nghiệp vụ văn thư lưu trữ, nhân viên bảo vệ hợp đồng trường nên mức lương thấp không đảm bảo đời sống.

**\* Đánh giá:**

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 3/3;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/3.

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 3/3;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/3.

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 3/3;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/3.

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:** Trường MN Bình Minh II có 1 điểm trường đặt tại số 47- Thôn địa Dộc, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai với tổng diện tích 2.960 m<sup>2</sup> và DT đất 5.000m quy hoạch để xây dựng khu mới tại thôn Chua, xã Bình Minh. Diện tích đạt bình quân 26.5m<sup>2</sup>/trẻ. Diện tích sàn sử dụng 1001 m<sup>2</sup> được xây dựng kiên cố, có khuôn viên riêng biệt, có tường bao, cổng trường, biển trường môi trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn cho trẻ. CSVC của nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, đáp ứng các yêu cầu của công tác CSGD trẻ. Các khu vực sân chơi, khu vực sinh hoạt chung như khu vực để xe của CBGVNV, khu vực sinh hoạt tập thể cho trẻ, khu vệ sinh chung, hiên chơi của trẻ đều có và đảm bảo đúng yêu cầu chất lượng, an toàn cho trẻ khi sử dụng. Hệ thống đồ dùng, đồ chơi ngoài trời và trong lớp được trang bị đầy đủ và đảm bảo đạt đúng các quy định liên quan đến tiêu chuẩn đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học dùng cho GDMN của Bộ GD&ĐT.

**Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn**

Mức 1:

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường MN Bình Minh II có tổng diện tích khu đang sử dụng 2.960 m<sup>2</sup>, khu diện tích đất mới quy hoạch 5.000m<sup>2</sup>, tổng diện tích đất là 7.960m<sup>2</sup>. Năm học 2023 -2024 nhà trường có 308 trẻ, bình quân 26.5m<sup>2</sup>/trẻ đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 13/2020/TT-BGD&ĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT. Trường lớp được xây dựng kiên cố, các khu được bố trí phù hợp Tổng diện tích sàn là 1001m<sup>2</sup> đạt bình quân 3.3m<sup>2</sup> /1trẻ [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Nhà trường có cổng trường, biển tên trường đúng theo quy định, có tường bao và đủ hệ thống hàng rào bảo vệ, biệt lập với các hộ dân xung quanh đảm bảo an toàn cho trẻ trong sinh hoạt và học tập; có khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Nhà trường có sân chơi diện tích là 1.950m<sup>2</sup> đảm bảo an toàn cho trẻ khi vui chơi và tổ chức các hoạt động giáo dục, có hiên chơi, hành lang của các lớp đầy đủ. Trong sân trường và khu vực sân chơi có trồng cây xanh, nhiều cây hoa phù hợp đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện với môi trường. Sân chơi của nhà trường được bố trí các góc chơi như: không gian sáng tạo, khu phát triển vận động phù hợp với điều kiện của nhà trường và đảm bảo an toàn cho tất cả trẻ được sử dụng [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

**Mức 2:**

Diện tích xây dựng công trình 1001m<sup>2</sup> và diện tích sân vườn 1.950m<sup>2</sup> đảm bảo theo mục 4.2.3 tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường MN [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03].

Khuôn viên của nhà trường riêng biệt, có tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài, có cây xanh bóng mát tạo bầu không khí mát mẻ và trong lành, hiên trước của các dãy nhà đều có bồn hoa, cây cảnh trên sân thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp, thẩm mỹ. Sân chơi có nhiều cây cảnh được cắt tỉa đẹp để hàng ngày cô và trẻ cùng chăm sóc, giúp trẻ khám phá học tập. Chưa có sân chơi của nhóm, lớp [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

Khu vực trẻ chơi được lát gạch và trải cỏ nhân tạo, có thiết bị và đồ chơi ngoài trời như: Xích đu, cầu trượt, mâm quay, thú nhún, cầu thăng bằng, thang leo đứng 3 nấc, nhà bóng được bố trí phù hợp, khu vui chơi của trẻ được trải cỏ nhân tạo, đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện cho trẻ khi hoạt động, phù hợp với trẻ, tạo điều kiện cho trẻ vui chơi học tập [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

**Mức 3:**

Nhà trường có diện tích sân chơi được quy hoạch, có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Các loại đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị đảm bảo an toàn cho trẻ. Các loại đồ chơi ngoài danh mục đảm bảo an toàn cho trẻ. Tuy nhiên, một số đồ dùng, đồ chơi đã sử dụng lâu năm nên hạn chế về tính thẩm mỹ và hàng năm, nhà trường mua bổ sung mới một số đồ dùng nên các đồ dùng, đồ chơi chưa mang tính đồng bộ, hiện đại [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có diện tích đất đảm bảo theo quy định đối với trẻ MN. Có cổng, biển tên trường và tường bao xung quanh đảm bảo an toàn, an ninh trật tự. Bố trí sân chơi cho trẻ có đủ đồ dùng, đồ chơi ngoài trời. Khu vui chơi của trẻ được trải cỏ nhân tạo, đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện cho trẻ khi hoạt động, phù hợp với trẻ, tạo điều kiện cho trẻ vui chơi học tập.

**3. Điểm yếu**

Một số ĐDDC đã sử dụng lâu năm nên tính thẩm mỹ hạn chế, một số đồ dùng chưa được mua bổ sung mới hàng năm nên các đồ dùng, đồ chơi chưa mang tính đồng bộ, hiện đại. Chưa có sân chơi của nhóm, lớp. Chưa có vườn rau cho trẻ thực hành trải nghiệm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp
Chưa có vườn rau cho trẻ thực hành trải nghiệm. Chưa có sân chơi của nhóm, lớp	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	Hiệu trưởng; PHT phụ trách CSVC; Tổ mua sắm tài sản, CSVC của nhà trường	- Xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa tài sản. Tập trung ưu tiên cải tạo sửa chữa ĐDDC đã cũ và mua thêm một số ĐDDC mới. Sắp xếp quy hoạch lại hệ thống ĐDDC để đảm bảo tính thẩm mỹ, đồng bộ và hiện đại. - Tích cực tham mưu huyện và xã sớm xây dựng khu trường mới đảm bảo yêu cầu trường chuẩn Quốc gia

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	c	Đạt	-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Năm học 2023-2024 nhà trường có tổng số phòng học là 12 phòng/12 nhóm lớp theo từng độ tuổi của nhà trường. Nhóm lớp nhà trẻ 25-36 tháng 02 phòng; nhóm lớp 3-4 tuổi 03 phòng; nhóm lớp 4-5 tuổi 04 phòng; nhóm lớp 5-6 tuổi 03 phòng [H3-3.2- 01]; [H3-3.2- 02].

Các phòng học vừa là phòng sinh hoạt chung và cũng là phòng tổ chức ăn, ngủ cho trẻ, đảm bảo yên tĩnh thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Có đầy đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ: Chăn, chiếu, thảm, đệm, gối, phản ngủ, tủ đựng đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Nhà trường có 01 phòng nghệ thuật tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, năng khiếu cho trẻ và 12 phòng học cho 12 nhóm lớp [H3-3.1- 04]; [H3-3.2- 02].

Các phòng học có đầy đủ hệ thống đèn điện, mỗi lớp có từ 8 đến 12 bóng điện đảm bảo đủ độ sáng cho trẻ hoạt động, có 04 quạt trần, 02 máy điều hòa. Các phòng được trang bị từ 4 - 6 tủ giá đựng đồ dùng, đồ chơi thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của từng độ tuổi. Phòng âm nhạc có hệ thống đèn, hệ thống quạt, điều hòa, tủ trang phục, đồ dùng hoạt động âm nhạc đầy đủ, đảm bảo. Các phòng học và phòng chức năng có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học cho đủ 12 nhóm, lớp [H3-3.1- 04]; [H3-3.2- 02].

Mức 2:

Trường MN Bình Minh II có 12 lớp học, mỗi lớp có 01 phòng vừa là phòng sinh hoạt chung và cũng là phòng tổ chức cho trẻ ăn, ngủ. Diện tích các phòng từ 45-55m<sup>2</sup>, đảm bảo quy định tại mục 5.2.5 yêu cầu thiết kế trường MN, tiêu chuẩn Quốc gia, phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 76m<sup>2</sup> được trang bị: tủ đựng trang phục, đàn phím điện tử, hệ thống âm ly, loa đài và các loại nhạc cụ để phục vụ cho hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ, khu giáo dục thể chất có tổng diện tích 100m<sup>2</sup> được trang bị: thang leo, bóng rổ, ván dọc, cầu thăng bằng....[H3-3.1-02]; [H3-3.1-04]; [H3-3.2- 02].

Trường có 12 nhóm, lớp có hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo theo quy định tại khoản 1 điều 28 điều lệ trường MN và Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Thông tư ban hành danh mục đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dành cho GDMN, cụ thể: Mỗi lớp có từ 4-6 giá tủ phù hợp với độ tuổi để đựng tài liệu đồ dùng, đồ chơi. 12/12 nhóm lớp có các tủ đựng chăn chiếu, tủ để ba lô, giá để giày, dép cho trẻ. Các tủ, giá

được sắp xếp hợp lý, phù hợp theo điều kiện của nhà trường, an toàn thuận tiện khi sử dụng. Tất cả các kệ tủ đều chắc chắn đẹp mắt phù hợp với trẻ được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng và đảm bảo đủ theo quy định [H3-3.1-04]; [H3-3.2-01]; [H3 -3.2- 02].

Mức 3:

Trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tin học [H1 -1.2- 11]; [H3 -3.1- 02].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có số phòng học đảm bảo đúng quy định, có phòng hoạt động âm nhạc, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Hệ thống đèn, hệ thống quạt trên các phòng học, hành lang, sân trường, phòng làm việc và các phòng chức năng đều đảm bảo và có tủ đựng hồ sơ cho các phòng hành chính, quản trị, thiết bị dạy học trên 12 nhóm, lớp.

## 3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng thể chất và phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tin học.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp
- Bổ sung thêm phòng ngữ và tin học đảm bảo theo quy định. - Bổ sung trang thiết bị các phòng học và phòng chức năng để tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện nhiệm vụ.	Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo.	Tham mưu với UBND huyện đầu tư xây dựng khu trường mới có đủ phòng thể chất, phòng ngoại ngữ và tin học; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các phòng chức năng..

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	c	Đạt	-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

### Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:



- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đủ các loại phòng thuộc khối hành chính, quản trị cụ thể: Có 01 phòng hội đồng nhà trường, 01 phòng HT, 02 phòng phó HT, 01 phòng kế toán, 01 phòng y tế, 01 phòng lưu trữ, 01 phòng dành cho nhân viên, 01 phòng ăn Công đoàn, 01 phòng bảo vệ [H3-3.1-02]; [H3-3.1-04].

Các khối phòng hành chính, quản trị có đủ các trang thiết bị tối thiểu để làm việc cụ thể: Văn phòng trường có các bảng biểu; phòng HT, phòng Phó HT có tủ, bàn ghế tiếp khách, máy vi tính và các phương tiện làm việc; phòng y tế có bảng tổng hợp sức khỏe học sinh, bảng phác đồ sơ cứu một số tai nạn thường gặp, có tủ thuốc, dụng cụ theo dõi sức khỏe của trẻ có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ. Phòng bảo vệ có bàn ghế, đồng hồ; phòng dành cho nhân viên có tủ để đồ dùng cá nhân [H3-3.1-04].

Nhà trường có khu để xe cho CBGVNV diện tích 100m<sup>2</sup>, được bố trí hợp lý thuận tiện cho việc lấy, cất xe của CBGVNV và khách đến trường, có hệ thống camera đảm bảo an toàn cho nhà để xe [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

Mức 2:

Khối phòng hành chính, quản trị của nhà trường đảm bảo diện tích theo quy định tại mục 5.5 (TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non). Diện tích các phòng cụ thể như sau: Phòng Hội đồng 70 m<sup>2</sup>; phòng HT, 2 phòng phó HT, phòng kế toán, phòng lưu trữ, phòng y tế mỗi phòng có DT 19m<sup>2</sup>, phòng ăn Công đoàn 40m<sup>2</sup>, phòng bảo vệ 10m<sup>2</sup>, phòng nhân viên 20m<sup>2</sup> [H3-3.1-02].

Khu để xe cho cán bộ quản lý, GVNV với tổng diện tích 100 m<sup>2</sup> có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi cho việc cất, lấy xe [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có đủ khối phòng hành chính, quản trị như: Phòng Hội đồng trường, phòng HT, phòng phó HT, phòng kế toán, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu để xe cho CBGVNV đảm bảo theo quy định tại (TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non). Do được xây dựng lâu năm nên một số hạng mục trong khối công trình quản trị đã bị xuống cấp, các trang thiết bị cũ và hỏng [H3-3.1- 02]; [H3-3.1-04].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng theo quy định như: có phòng Hội đồng, phòng làm việc của HT, Phó HT, phòng kế toán, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng nhân viên, khu để xe cho CBGVNV. Các phòng đều có diện tích đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường MN. Tất cả các phòng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động, được bố trí phù hợp, hài hòa thuận tiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường.

## 3. Điểm yếu

Nhà trường đã được xây dựng lâu năm nên một số hạng mục trong khối công trình quản trị đã bị xuống cấp, các trang thiết bị cũ và hỏng.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp
Nâng cấp các thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động quản lý hành chính	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;	Nhà trường duy trì việc sử dụng hiệu quả các phòng hành chính - quản trị, tăng cường bảo quản cơ sở vật chất hiện có. Dự toán nguồn kinh phí để sơn mới tường nhà, sửa chữa thay thế những trang thiết bị đã cũ hỏng đảm bảo thuận tiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### **Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn**

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

Mức 3:

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có bếp ăn được xây dựng kiên cố, rộng rãi, thoáng mát theo quy trình bếp một chiều, gồm khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu chia thức ăn chín đảm bảo theo quy định [H3-3.1-02]; [H3-3.4- 01].

Trong khu vực nhà bếp có kho đựng thực phẩm, trong kho được trang bị giá kệ, có các thùng đựng lương thực, thực phẩm của cô, trẻ riêng biệt được sắp xếp gọn gàng, khoa học đảm bảo VSATTP [H3-3.4- 02].

Bếp ăn có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn nhãn hiệu Samsung dung tích 560L đảm bảo cho việc lưu mẫu thức ăn hằng ngày [H3-3.4- 01]; [H3-3.1- 04].

Mức 2:

Bếp ăn được thiết kế với diện tích 140m<sup>2</sup> đảm bảo 0,46m<sup>2</sup>/trẻ, đảm bảo theo quy trình bếp một chiều gồm khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu chia thức ăn chín[H3-3.1-02]. Có đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường như: Tủ sấy bát, tủ cơm ga, bàn chia ăn bằng inox, các loại xoong, bát thìa inox, đảm bảo vệ sinh, có kho thực phẩm phân chia các khu vực để các loại thực phẩm sống, chín riêng biệt, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, có hệ thống chữa cháy và có đủ nước sạch sử dụng đảm bảo yêu cầu [H3-3.1-04]; [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02]. Nhà trường có giấy chứng nhận vệ sinh ATTP và cam kết thực hiện tốt VSATTP với phòng y tế huyện [H3-3.4-03].

Mức 3:

Nhà trường có một bếp ăn tập trung được xây dựng kiên cố theo quy trình bếp một chiều [H3-3.1-02]; có các khu riêng biệt như khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu chia thức ăn chín...với đầy đủ đồ dùng trang thiết bị phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường như: Tủ lạnh, Tủ sấy bát, tủ cơm ga, các loại xoong, bát thìa inox, đảm bảo vệ sinh. Đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường MN. Tuy nhiên bếp ăn vẫn đun gas chưa đảm bảo an toàn PCCC [H3-3.1-04];[H3-3.4-01].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có bếp ăn được thiết kế xây dựng kiên cố theo quy trình một chiều, rộng rãi theo đúng quy định và đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường MN. Có đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng, dụng cụ nấu ăn và đồ dùng phục vụ tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường. Bếp ăn luôn sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, đảm bảo VSATTP. Bếp ăn có cam kết đủ điều kiện VSATTP.

## 3. Điểm yếu

Bếp ăn vẫn đun gas chưa đảm bảo an toàn PCCC.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp
Thay hệ thống bếp đun gas bằng hệ đun điện. Thường xuyên kiểm tra các thiết bị nhà bếp; bổ sung kịp thời những thiết bị không đảm bảo khi sử dụng	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách CSVC, tổ mua sắm, sửa chữa trang thiết bị CSVC	Nhà trường lập kế hoạch kiểm tra các đồ dùng, trang thiết bị để thay thế kịp thời các thiết bị đã hỏng trong quá trình sử dụng và cân đối kinh phí mua sắm bổ sung phù hợp. Thay hệ thống bếp đun gas bằng đun điện.

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường đã trang bị cho 100% các nhóm, lớp đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN [H3-3.2-02]. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi được sử dụng thường xuyên, hiệu quả trong các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H3-3.5- 01].

Giáo viên các nhóm, lớp tích cực làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo ngoài danh mục quy định để bổ sung vào các góc chơi cho trẻ, được Ban giám hiệu đánh giá cao về chất lượng và có tính giáo dục, an toàn và phù hợp với trẻ theo quy định tại Chương III Điều 17 Thông tư số 52/2020/TT- BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Trường MN [H3-3.5-02].

Cuối mỗi năm học nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, thống kê lại những danh mục, thiết bị hư hỏng, không sử dụng được lập biên bản thanh lý. Đầu năm học tiếp theo, nhà trường dựa vào số liệu kiểm kê cuối năm trước làm căn cứ rà soát, bổ sung đồ dùng, trang thiết bị cho năm học mới. Với những đồ dùng còn sử dụng được, trường tiếp tục đưa vào danh mục bàn giao cho các nhóm, lớp, phòng ban sử dụng và bảo quản. Trên cơ sở đó, có kế hoạch sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng thay thế để đảm bảo duy trì chất lượng hoạt động [H3-3.2-02]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

Hệ thống máy tính nhà trường có 20 máy được kết nối Internet thuận lợi cho cán bộ quản lý, GVNV sử dụng phần mềm để phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học, xây dựng kế hoạch, soạn bài. Trường có trang Website, Fanpage riêng để cập nhật đưa tin, bài về các hoạt động phong trào của nhà trường lên cổng thông tin của trường, của ngành kịp thời đăng tải các kế hoạch, sự kiện trong năm học [H3-3.1-04]; [H3-3.5-04].

100% các lớp được trang bị đồ dùng dạy học tối thiểu theo quy định để GV có điều kiện tốt nhất thực hiện chương trình GDMN theo quy định tại văn bản hợp nhất Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT .

Các thiết bị đồ dùng, đồ chơi được GV và trẻ sử dụng thường xuyên và hiệu quả trong các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H3-3.2-02]; [H3-3.5-01].

Hằng năm, nhà trường đã mua sắm bổ sung, thay thế các đồ dùng bị hư hỏng hoặc bị hao mòn đủ số lượng cho các lớp đáp ứng theo nhu cầu hiện nay. Khuyến khích GV tích cực tham gia phong trào làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo để làm phong phú hơn phương tiện giáo dục trẻ trong các hoạt động học và chơi, phục vụ tích cực công tác chuyên môn trong nhà trường, thiết bị dạy học tự làm đảm bảo tính giáo dục phù hợp với nhiệm vụ cấp học MN theo từng năm học [H3-3.5-01]; [H3 -3.5- 02]; [H3 -3.5- 03].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục theo quy định được GV khai thác và sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp GD trẻ như: đồ dùng dành cho góc toán, khám phá theo chương trình montessori, đồ chơi phát triển kỹ năng vận động: xâu buộc dây giấy, tết tóc, đóng mở nắp chai, sử dụng kẹp để kẹp các loại hạt...Bộ rỗi đế, rỗi tay, rỗi dây để phục vụ cho hoạt động kể chuyện sáng tạo, các loại cây hoa quả làm bằng dẹt để cho trẻ học toán và khám phá...được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Tuy nhiên một số đồ dùng, đồ chơi tự tạo tính hiệu quả còn hạn chế do chất liệu không bền, nhanh hỏng [H3-3.5- 02].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ trang thiết bị, ĐDDC theo quy định và được GV sử dụng thường xuyên, hiệu quả trong hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Các trang thiết bị ĐDDC ngoài danh mục phong phú, đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Đội ngũ GV tích cực, sáng tạo trong việc làm ĐDDC tự tạo phục vụ các hoạt động giáo dục của cô và trẻ. Thực hiện tốt việc kiểm kê và sửa chữa, kịp thời thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, ĐDDC cho các nhóm lớp. 100% máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ tốt công tác quản lý, hoạt động dạy học của nhà trường.

## 3. Điểm yếu.

Số lượng ĐDDC tự làm để giúp trẻ phát triển kỹ năng tự phục vụ còn hạn chế. Một số đồ dùng có độ bền chưa cao.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp
Tiếp tục tổ chức thực hiện	Năm học 2024-2025 và	Hiệu trưởng; Phó	- Kiến nghị với PGD&ĐT Huyện Thanh Oai tổ chức các lớp tập huấn

phong trào làm đồ dùng đồ chơi tự làm.	các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn.	cho giáo viên phương pháp lựa chọn nguyên liệu và làm đồ dùng đồ chơi sáng tạo để rèn kỹ năng tự phục vụ cho trẻ. - Tổ chức các hội thi làm ĐDDC sáng tạo để phát huy khả năng sáng tạo của giáo viên. - Xây dựng kế hoạch bổ sung, đầu tư trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi; hướng dẫn giáo viên cách sử dụng và bảo quản các đồ dùng tự làm để đảm bảo độ bền. - Tiến hành kiểm kê tài sản theo kế hoạch đã xây dựng.
--	-----------------------	-----------------------------------	---

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	c	Đạt	-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

#### Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

#### Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

### 1. Mô tả hiện trạng

#### Mức 1:

Nhà trường có 12 phòng vệ sinh cho 12 nhóm, lớp với diện tích là 10m<sup>2</sup>/phòng và có 01 nhà vệ sinh cho CBGVNV, 01 phòng dành cho nam, 01 phòng dành cho nữ, với diện tích mỗi phòng là 10m<sup>2</sup>, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ. Có độ phẳng với mặt sàn, có độ cao vừa đủ để thuận lợi dùng cho cả trẻ khuyết tật [H3-3.1-02]; [H3-3.6-01].

Hệ thống thoát nước được thiết kế ngầm và có nắp đậy chạy xung quanh sân trường, hàng năm nhà trường tổng vệ sinh khơi thông cống rãnh đường thoát nước đảm bảo vệ sinh trường học. Nhà trường có hệ thống nước sạch phục vụ đảm bảo đủ nước sinh hoạt cho GVNV và trẻ được xét nghiệm hàng năm đủ tiêu chuẩn theo quy định. Nước uống cho CBGVNV và trẻ được sử dụng nước tinh khiết đóng bình của công ty cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ Hà Đông cung cấp. Hàng năm đều được kiểm tra mẫu nước đạt yêu cầu tại tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng [H3-3.1-02]; [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

Nhà trường có thùng rác ở mỗi lớp, thùng rác khu bếp và thùng chứa rác chung của cả khu trường có nắp đậy được bố trí tại những nơi thuận lợi cho việc thu gom rác hàng ngày, vỏ hộp sữa trẻ hút xong được các cô giáo hướng dẫn gấp lại gọn gàng sau đó mới bỏ thùng rác nên tiết kiệm được nhiều DT. Nhà trường thuê hộ cá nhân hàng ngày 5 lần/tuần thu gom rác thải đem đi xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-04].

#### Mức 2:

Nhà trường có phòng vệ sinh khép kín cho trẻ ở các lớp, có vách ngăn và được ngăn chia thành 2 khu nam và nữ riêng, có bồn rửa tay, thiết bị vệ sinh đảm bảo theo quy định. Khu vệ sinh cho CBGVNV được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.1-02].

Hệ thống cung cấp nước sạch mạng lưới phân phối của đường ống cấp nước được đặt ngầm trong tường và hộp kỹ thuật. Toàn bộ hệ thống thoát nước được đặt ngầm và được kết nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực trường. Rãnh thoát nước có nắp đậy đảm bảo vệ sinh. Nhà trường hợp đồng hộ cá nhân thu gom rác cho nhà trường hàng ngày 5 lần/tuần, đảm bảo vệ sinh môi trường. [H3-3.1- 02]; [H3-3.6- 04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng khép kín, khu vệ sinh cho giáo, nhân viên viên nằm ở trung tâm giữa các dãy nhà đảm bảo thuận tiện và phù hợp với cảnh quan. Diện tích phòng vệ sinh cho trẻ và cho GV đảm bảo theo qui định. Hệ thống thoát nước được thiết kế ngầm và có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống nước sinh hoạt được sử dụng nước sạch, nước uống cho CBGVNV và trẻ được sử dụng nước tinh khiết đóng bình của công ty cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ Hà Đông, hàng năm đều được kiểm tra mẫu



nước tại tổng cục đo lường chất lượng. Việc thu gom tập kết rác thải 5lần/tuần đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống cấp, thoát nước được đặt ngầm trong tường và hộp kỹ thuật.

### 3. Điểm yếu

Nhà vệ sinh các lớp sử dụng lâu năm nên các thiết bị vệ sinh xuống cấp.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp
Tiếp tục kiểm tra rà soát theo định kỳ các thiết bị vệ sinh để kịp thời sửa chữa, cải tạo.	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo.	BGH – nhân viên kế toán	Hàng năm giao đồng chí kế toán dự trù kinh phí cải tạo phòng vệ sinh của các lớp.

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

### Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Nhà trường có DT sàn sử dụng bình quân đảm bảo theo quy định. Công, biển trường thể hiện đúng quy định Điều lệ trường MN. Trường có tường rào bao quanh, khuôn viên xanh sạch đẹp, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ. Có sân chơi chung diện tích bình quân đạt chuẩn quy định. Sân có cây xanh, có sân thể dục sáng cho trẻ, có khu vui chơi vận động ngoài trời được bố trí phù hợp với điều kiện và khuôn viên của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng. Hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp thuận tiện cho mọi sinh hoạt của trẻ khi mưa, nắng. Diện tích, thiết kế đều đảm bảo quy định cũng như an toàn cho trẻ. Nhà trường có DT xây dựng, diện tích sân vườn đều đảm bảo quy định yêu cầu thiết kế xây dựng. Các phòng đều đảm bảo diện tích theo quy định và đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Nhà trường đầu tư đầy đủ ĐĐDC, thiết bị trên 100% các nhóm, lớp, các thiết bị, ĐĐDC tự làm đảm bảo tính giáo dục, an toàn, thẩm mỹ và phù hợp với trẻ, luôn chú trọng đến việc lập kế hoạch rà soát, kiểm kê và sửa chữa các thiết bị. Hệ thống máy tính trên toàn trường được kết nối Internet phục

vụ tốt cho công tác quản lý, hoạt động dạy học của GV. Hệ thống thoát nước được thiết kế ngầm và có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Tuy nhiên bên cạnh điểm mạnh nhà trường vẫn còn một số điểm yếu cơ bản sau: Một số đồ dùng, đồ chơi tự tạo tính hiệu quả còn hạn chế do chất liệu chưa bền, nhanh hỏng. Nhà vệ sinh các lớp sử dụng lâu năm nên các thiết bị vệ sinh xuống cấp.

**\* Đánh giá:**

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 6/6;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/6.

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 6/6;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/6.

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 4/5;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 1/5.

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu:**

Trong những năm qua Trường MN Bình Minh II đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, chủ động tham mưu, phối hợp có hiệu quả với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội trong và ngoài nhà trường. Ngay từ đầu mỗi năm học Ban đại diện CMTE được kiện toàn và nghiêm túc hoạt động theo đúng quy định đã đề ra, phối hợp với BGH nhà trường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác CSGD đến các bậc CMTE nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ. Ban đại diện CMTE và nhà trường đã họp định kỳ để tiến hành xây dựng nghị quyết, chương trình hoạt động xuyên suốt trong từng năm học, điều này đã góp phần không nhỏ trong việc đưa ra được các biện pháp kịp thời nâng cao chất lượng CSGD trẻ về mọi mặt. Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường như: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban đại diện CMTE, nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng nhà trường ngày một phát triển.

**Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.**

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hàng năm, ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tiến hành họp CMTE của các lớp bầu ra ban đại diện CMHS của lớp là 3 người. HT triệu tập họp trưởng, phó ban đại diện CMHS của các lớp để bầu ban đại diện CMTE của trường từ 3-5 người, trong đó 1 trưởng ban và các phó ban. Ban đại diện CMTE hoạt động theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Phối hợp với HT tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện CMTE trường. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về GD đối với CMTE nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh. Giúp đỡ học sinh nghèo và học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.1-01].

Ban đại diện CMTE của trường, lớp phối hợp với GV chủ nhiệm lớp, nhà trường xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức các hoạt động GD theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp CMTE đầu năm học, xây dựng kế hoạch thu chi và tổ chức các hoạt động cho cả năm học. Tổ chức họp CMTE 3 lần/năm học. Tuy nhiên, Ban đại diện CMTE chưa có nhiều thời gian tham gia vào các hoạt động phong trào cùng nhà trường [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Ban đại diện CMTE của lớp, của trường luôn được hoạt động theo kế hoạch đã xây dựng và đảm bảo thời gian thực hiện theo đúng kế hoạch mà đầu năm đã xây dựng, nhà trường kết hợp với ban CMTE xây dựng kế hoạch thu chi và tổ chức các hoạt động cho cả năm học như: Tổ chức khai giảng, tết trung thu, lễ Noel, các ngày lễ hội, các hội thi của trẻ, tổ chức chia tay trẻ 5 tuổi, tổng kết năm học, thăm quan dã ngoại, kiểm tra giám sát việc giao nhận thực phẩm, vệ sinh ATTP...luôn đảm bảo thời gian và tiến độ, dự kiến theo đúng kế hoạch [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện CMTE nhà trường đã xây dựng kế hoạch phối hợp và triển khai thực hiện có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về GD đối với CMTE như các các hoạt: Cùng phối hợp với

nhà trường trong tổ chức các ngày hội ngày lễ cho trẻ; tham gia các hoạt động học và chơi của trẻ tại lớp, tham dự một số chuyên đề; tham gia hội thi của nhà trường trong năm học; kiểm tra giám sát việc giao nhận thực phẩm; phối hợp chặt chẽ với nhà trường tổ chức phong phú nhiều hoạt động cho trẻ **[H4-4.1-02]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05]**.

Mức 3:

Ban đại diện CMTE phối hợp với HT tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện CMTE trường **[H4-4.1-02]; [H4-4.1-04]**. Nhà trường phối hợp CMTE và các ban ngành tại địa phương hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về GD đối với CMTE nhằm nâng cao trách nhiệm CSGD trẻ trong việc GD nuôi dưỡng CSGD trẻ, bảo vệ sức khỏe, phòng tránh TNTT, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ ở trường, lớp và gia đình, xây dựng mối quan hệ mật thiết, thân thiện giữa nhà trường các bậc cha mẹ, các tổ chức xã hội để có sự thống nhất về phương pháp CSGD trẻ phù hợp. Cùng với nhà trường thực hiện tốt công tác xã hội hoá GD nhằm huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng CSVN, bổ sung trang thiết bị tạo điều kiện nâng cao chất lượng CSGD trẻ, góp phần cùng nhà trường phấn đấu đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”; Quan tâm học sinh thuộc hộ nghèo và học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương như hội phụ nữ, đoàn Thanh niên, CMTE để cùng nhà trường tổ chức các hoạt động lễ hội, hội thi của trẻ, các sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: Lễ hội làng, văn nghệ trung thu đạt kết quả tốt. Tuy nhiên Ban đại diện CMTE thay đổi theo từng năm, do vậy việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về GD trong toàn trường chưa thường xuyên còn ảnh hưởng đến các hoạt động của Ban đại diện CMTE trong việc phối kết hợp với nhà trường **[H4-4.1-05]; [H4-4.1-06]**.

## **2. Điểm mạnh**

Ban đại diện CMTE của trường, lớp được thành lập và hoạt động theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ trong nhà trường. Ban đại diện CMTE nhiệt tình tích cực ủng hộ nhà trường trong tổ chức các hoạt động ngày hội, ngày lễ, hoạt động CSGD trẻ. Bên cạnh đó nhà trường đã làm tốt công tác phổ biến các văn bản pháp quy đầy đủ và đúng quy định công khai kế hoạch năm học, các khoản thu chi trong nhà trường, thực hiện bàn bạc dân chủ các hoạt động của nhà trường tới các bậc phụ huynh.

## **3. Điểm yếu**

Ban đại diện CMTE thay đổi theo từng năm, do vậy việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về GD trong toàn trường chưa thường

xuyên còn ảnh hưởng đến các hoạt động của ban đại diện CMTE trong việc phối kết hợp với nhà trường.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyên truyền với CMTE để nâng cao chất lượng CSGD trẻ trong nhà trường.</li> <li>- Xây dựng mối quan hệ gần gũi giữa nhà trường và CMHS.</li> <li>- Tăng cường các hình thức, biện pháp phối hợp giữa Ban đại diện cha mẹ trẻ em với nhà trường trong các hoạt động tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trẻ</li> </ul>	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.	Ban đại diện cha mẹ trẻ em CB, GV, NV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- BGH xây dựng kế hoạch tuyên truyền về tầm quan trọng của chương trình GDMN và triển khai đến 100% cha mẹ trẻ em. Đổi mới các hình thức tuyên truyền với cha mẹ trẻ em về chương trình CSGD trẻ.</li> <li>- Tiếp tục duy trì và phát huy vai trò của Ban ĐDCMTE. Nhà trường thay đổi một số hình thức tuyên truyền mới, tổ chức các hoạt động giao lưu, ngoại khóa giữa nhà trường và CMTE để tăng cường mối quan hệ, phối hợp với nhà trường nâng cao chất lượng GD của nhà trường.</li> </ul>

#### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, ngay từ đầu năm học nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, để có chính sách phù hợp giúp nhà trường nâng cao chất lượng CSGD trẻ [H1-1.1-02]. Làm tốt công tác tham mưu về công tác tuyển sinh giúp nhà trường hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh, tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện phổ cập GD nhằm huy động 100% trẻ 5 tuổi ra lớp, cải tạo CSVC, xây dựng nhà trường đạt trường chuẩn Quốc gia [H4-4.2-01].

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Qua các hội nghị giao ban Đảng ủy, HĐND, UBND xã đồng chí HT nhà trường báo cáo công khai chất lượng nhà trường về: CSVC, CSGD và chất lượng đội ngũ [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]. Trong các buổi họp với CMTE, nhà trường đã tuyên truyền nội dung các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Thường xuyên đăng bài, các thông tin, các hoạt động của cô và trẻ, tuyên truyền qua cổng thông tin Website của nhà trường, góp phần thực hiện tốt công tác CSGD trẻ, trường học an toàn cho trẻ [H4-4.1-03].

Nhà trường đã tích cực tham mưu và phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, CMTE, địa phương để huy động nguồn lực đầu tư CSVC trong nhà trường như: Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục từ phía phụ huynh và các đơn vị tổ chức khác như: CMTE các lớp ủng hộ cây xanh, ủng hộ bóng nhựa cho nhà

bóng, ủng hộ các nguyên vật liệu để giáo viên làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ việc dạy và học của cô và trò năm học 2023 - 2024. UBND xã hỗ trợ việc giải quyết thiệt hại cắt tỉa cây xanh trong sân trường bị mưa bão làm gãy đổ. Tuy nhiên công tác tuyên truyền, vận động còn nhiều hạn chế do đặc thù nhân dân địa phương thuộc vùng nông thôn, chủ yếu làm nông nghiệp mức thu nhập thấp **[H4-4.2-02]; [H4-4.2-03]**

Mức 2:

Bám sát nội dung về chiến lược phát triển GD, Chi ủy chi bộ, BGH nhà trường đã tích cực tham mưu với Đảng ủy, UBND xã quy hoạch 5.000m<sup>2</sup> đất tại khu vực thôn Chua để xây dựng trường mới, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường, nâng cao chất lượng CSGD trẻ chú trọng đẩy mạnh việc trang bị CSVC như đầu tư xây dựng phòng học, đầu tư về cảnh quan trường lớp, các thiết bị bên trong chất lượng giáo dục, từ đó được nâng lên **[H4-4.2-01]**. Tham mưu với UBND xã để phối hợp thực hiện công tác điều tra, phổ cập GD trẻ 5 tuổi trên địa bàn ra lớp. Tham mưu các giải pháp thực hiện công tác thu chi, mức thu, nội dung thu theo quy định. Tham mưu với trạm y tế để có kế hoạch tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, cấp phát CloraminB để phòng chống dịch bệnh tay chân miệng cho trẻ, để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường giai đoạn 2017-2020; 2021-2025 **[H1-1.1-01]; [H1-1.1-02];**

Trong nhiều năm qua, nhà trường đã phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để tranh thủ sự quan tâm, chăm lo cho công tác CSGD trẻ, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương như ban văn hóa thông tin xã Bình Minh, hội phụ nữ, đoàn Thanh niên và CMTE để cùng nhà trường tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: Lễ hội làng, văn nghệ trung thu đạt kết quả tốt **[H4 - 4.2-04]; [H4-4.2-05]**.

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường làm tốt công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền đưa các nội dung hoạt động CSGD trẻ vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển về quy mô trường lớp, mở rộng DT đất, xây dựng trường tập trung **[H1-1.1-1]; [H1-1.1-02]**. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương như hội phụ nữ, đoàn Thanh niên, CMHS để cùng nhà trường tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: Lễ hội làng, văn nghệ trung thu đạt kết quả tốt. Góp phần xây dựng nhà trường trở thành trung

tâm văn hóa, GD của địa phương. Tuy nhiên việc thực hiện huy động các nguồn lực xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương hiệu quả chưa cao [H1-1.2-11].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tham mưu, phối hợp tích cực, hiệu quả với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để có được những chính sách phù hợp hỗ trợ nhà trường trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Từng bước thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Đề xuất hiệu quả với UBND xã, công an xã cùng vào cuộc với nhà trường trong việc xây dựng nhà trường xanh - sạch - đẹp - lành mạnh và an toàn cho trẻ.

## 3. Điểm yếu

Việc thực hiện huy động các nguồn lực xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương hiệu quả chưa cao.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian	Người thực hiện	Giải pháp
-Xây dựng nhà trường từng bước trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương Tiếp tục huy động các nguồn lực xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	CBGVNV và cha mẹ trẻ em.	- Tăng cường công tác phối hợp với cha mẹ trẻ em thực hiện tốt kế hoạch đề ra để đưa chất lượng CSGD trẻ ngày càng đi lên - Hàng năm nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, duy trì và tranh thủ sự ủng hộ về nhiều mặt của các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã nhằm nâng cao chất lượng GD trong nhà trường. Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền GD, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan để nâng cao hiệu quả công tác xã hội hoá giáo dục. Đưa trường MN Bình Minh II trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3



Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Nhà trường có ban đại diện CMTE hằng năm của trường, của lớp đúng quy định. Ban đại diện CMTE thực hiện nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo đúng điều lệ trường MN. GV thực hiện tốt mối quan hệ thông tin hai chiều giữa trường lớp và gia đình, phát huy được vai trò và tính mục đích của các góc tuyên truyền trong mỗi nhóm lớp và trong nhà trường. Nhà trường đã tham mưu hiệu quả với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng các chính sách quan tâm, đầu tư cho GD trên địa bàn phường hợp lý, phối hợp với các tổ chức xã hội để thực hiện tốt các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ và tăng cường CSVC cho nhà trường. Tuy nhiên, nhà trường thực hiện chưa hiệu quả công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để huy động các nguồn lực xây dựng CSVC đảm bảo chuẩn cho trẻ, huy động các nguồn lực xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương .

#### **\* Đánh giá:**

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 2/2;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/2.

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 2/2;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/2.

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 2/2;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/2.

#### **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.**

##### **Mở đầu:**

Trong những năm qua, nhà trường đã thực hiện có hiệu quả công tác CSND, giáo dục trẻ, đáp ứng tốt mục tiêu, yêu cầu về giáo dục của cấp học MN. Nhà trường tổ chức cho 100% trẻ ăn bán trú tại trường, 100% trẻ được theo dõi sức khỏe định kỳ, được khám sức khỏe hằng năm, 100% các nhóm lớp thực hiện đúng chương trình GDMN và đạt được những kết quả phát triển toàn diện trên

trẻ theo độ tuổi như: Phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội; trẻ có ý thức vệ sinh môi trường và an toàn giao thông. Bên cạnh đó nhà trường còn theo dõi, đánh giá trẻ đi học chuyên cần, trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình phổ cập GDMN, kết quả theo dõi, đánh giá trẻ đều đảm bảo đạt theo yêu cầu của ngành đề ra. Xác định được mục tiêu giáo dục, nhà trường luôn làm tốt các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạo bầu không khí thân thiện, môi trường hoạt động lành mạnh đầy yêu thương, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ, tạo niềm tin cho phụ huynh và uy tín với ngành giáo dục.

### **Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục mầm non.**

Mức 1:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) *Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo các chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*
- b) *Hàng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

### **1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành dưới sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT Hà Nội, phòng GD&ĐT huyện Thanh Oai. Căn cứ các văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học, quy chế chuyên môn cấp học MN huyện Thanh Oai, nhà trường đã xây dựng kế hoạch năm học [H1-1.1-02], kế hoạch hoạt động chuyên môn theo năm học, khung thời gian hoạt động theo từng tháng, chủ đề, theo tuần. Trên cơ sở kế hoạch của nhà trường GV xây dựng

kế hoạch của nhóm lớp phù hợp với lứa tuổi, điều kiện thực tế của lớp, của trẻ **[H1-1.6-03]; [H5-5.1-01]**.

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN theo đúng quy định chuyên môn của phòng GD&ĐT huyện Thanh Oai, đảm bảo nguyên tắc đồng tâm phát triển phù hợp điều kiện của nhà trường. Bám sát với mục tiêu nâng cao chung của phòng GD&ĐT huyện Thanh Oai, điều kiện diện tích thực tế, nhà trường đã xây dựng mục tiêu, ngân hàng nội dung phát triển thể chất và kỹ năng tự phục vụ cho trẻ làm mục tiêu trọng tâm nâng cao trong các năm học gần đây **[H1-1.6-04]; [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]**.

Nhà trường định kỳ rà soát đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có những điều chỉnh kịp thời phù hợp. Đối với kế hoạch giáo dục của nhóm lớp, hàng tháng đồng chí PHT phụ trách chuyên môn sẽ duyệt kế hoạch giáo dục tháng mới của các tổ và đánh giá nội dung giáo dục tháng trước, đảm bảo mọi hoạt động chuyên môn của nhà trường được theo dõi và đánh giá theo định kỳ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên và trẻ trong nhà trường, đồng thời điều chỉnh chương trình giáo dục cho tháng sau **[H1-1.4-05]**. Giáo viên các lớp thường xuyên rà soát, đánh giá theo ngày, tháng, năm để điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với nhận thức của trẻ theo từng lớp, từng độ tuổi. Tổ chuyên môn thực hiện sinh hoạt định kỳ 2 tuần/lần, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN đối với các thành viên trong tổ từ đó phát huy những ưu điểm cũng như nêu rõ những tồn tại, hạn chế chưa thực hiện được để có sự điều chỉnh, thống nhất nội dung giảng dạy **[H5-5.1-02]; [H1-1.6-03]**.

#### Mức 2:

Nhà trường thực hiện chương trình GDMN đảm bảo chất lượng. 100% các nhóm, lớp thực hiện chương trình GDMN và tổ chức thực hiện đầy đủ chương trình theo kế hoạch đề ra; trẻ đạt được các mục tiêu đặt ra trong các hoạt động, trẻ có các kỹ năng hoạt động tốt. Tỷ lệ trẻ đạt mục tiêu ở các độ tuổi từ 97% - 98% các lĩnh vực **[H1-1.2-11]**. Các hoạt động dự giờ, đánh giá việc thực hiện quy chế chuyên môn luôn đạt kết quả cao. Các hoạt động ngoại khóa và hội thi cho trẻ được tổ chức hấp dẫn đảm bảo tính sáng tạo, khoa học và thu hút được sự ủng hộ của phụ huynh. Trong các năm học kết quả kiểm tra nội bộ và chuyên đề của nhà trường đạt loại khá và giỏi **[H1-1.8-04]**.

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình có nội dung phù hợp với văn hóa địa phương, thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực gắn bó với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ. phù hợp theo từng độ tuổi như kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giáo dục trẻ lòng yêu thương, không gian sáng tạo **[H5-5.1-01]**. Trong mỗi năm học, giáo viên căn cứ vào tình hình của trẻ để đăng ký với nhà trường để phân bổ vào kế hoạch CSGD phù hợp

với nhu cầu của trẻ. Nhà trường hết sức quan tâm đến việc khai thác, giáo dục các nội dung của văn hóa dân gian vào việc tổ chức các hoạt động vui chơi, học tập cho trẻ. Trong các dịp như rằm Trung thu, tết Nguyên đán, GV đều tổ chức các hoạt động hướng dẫn trẻ làm đồ chơi dân gian như: làm đèn lồng, làm quạt gió. GV tích cực sưu tầm, phổ biến, hướng dẫn cho trẻ tại lớp các trò chơi dân gian, các bài ca dao, đồng dao, bài hát dân ca phù hợp với độ tuổi của các bé. Nhà trường tổ chức ngày hội MN với các trò chơi dân gian phù hợp với từng độ tuổi như kéo co, bịt mắt bắt dê, các trò chơi vận động, kỹ năng thực hành cuộc sống... Nhằm giúp trẻ hiểu rõ hơn về truyền thống của xã Bình Minh, nhà trường đã chỉ đạo GV đưa các nội dung đó vào chương trình giáo dục trẻ **[H1-1.8-01]**.

### Mức 3:

Nhà trường phát triển chương trình giáo dục MN do Bộ GDĐT ban hành trên cơ sở tham khảo các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới: Montessori, Steam với 08 mục tiêu nâng cao chia đều cho các độ tuổi. Mỗi mục tiêu nâng cao có nhiều nội dung với độ khó tăng dần được phân bổ hợp lý vào các tháng, các chủ đề **[H5-5.1-03]**. Nhà trường đã đưa các bài tập giáo cụ phù hợp nhằm phát triển các kỹ năng, vận động tinh cho trẻ. Các hoạt động nhóm, thiết kế và thực hiện thiết kế với các nguyên liệu sẵn có của phương pháp giáo dục Steam giúp hoạt động của trẻ trong nhà trường hấp dẫn, hiệu quả hơn, trẻ có thêm vốn hiểu biết cũng như kỹ năng làm việc nhóm tốt hơn. Nhà trường liên kết với trường MN Hồ Tùng Mậu- quận Bắc Từ Liêm để thực hiện việc nhà giáo cùng chung tay giúp đỡ CSGD trẻ. Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên chưa mạnh dạn lựa chọn, tiếp cận các chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới vào hoạt động học tập vui chơi cho trẻ **[H5-5.1-04]**.

Cuối năm học nhà trường đều thực hiện tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình để có những điều chỉnh phù hợp giúp nâng cao hiệu quả công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Tổng kết đánh giá chất lượng các đợt thao giảng, hội thi giáo viên giỏi cấp trường, kết quả của các giáo viên được thanh kiểm tra, kết quả dự giờ giáo viên hàng tháng của BGH và kết quả đánh giá chất lượng trẻ cuối năm của các nhóm lớp. Căn cứ kết quả kiểm tra nội bộ, kết quả đánh giá trẻ theo mục tiêu giáo dục để có những nhìn nhận và điều chỉnh cho năm học tiếp theo nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ **[H1-1.2-09]; [H1-1.6-03]**.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và phát triển kế hoạch giáo dục ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới: Montessori, Steam một cách phù hợp và hiệu quả. Các hoạt động xây dựng trong chương trình đáp ứng được nhu cầu hứng thú của trẻ, hằng tháng, kỳ, năm đều được kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế.

### 1. Điểm yếu:

Một số GV chưa mạnh dạn lựa chọn, tiếp cận các chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới vào hoạt động học tập vui chơi cho trẻ.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp
Lựa chọn các phương pháp giáo dục tiên tiến phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng; PHT phụ trách chuyên môn; giáo viên	- Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng tiếp cận hình thức, phương pháp giáo dục tiên tiến. - Xây dựng các lớp điểm để thực hành các phương pháp giáo dục tiên tiến để lan tỏa đến toàn trường.

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### Tiêu chí 5.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đảm bảo phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ vui chơi trải nghiệm.

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

## **1. Mô tả hiện trạng:**

Mức 1:

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ của từng độ tuổi và phù hợp với điều kiện của nhà trường, GV các nhóm lớp sử dụng nhiều phương pháp trong chương trình giáo dục trẻ như: phương pháp thực hành trải nghiệm, trực quan minh họa, dùng lời, tình cảm khích lệ, nêu gương - đánh giá đảm bảo đặc thù từng hoạt động, phù hợp từng độ tuổi nhằm đạt kết quả tốt nhất trong công tác tổ chức nuôi dưỡng, CSGD trẻ **[H5-5.2-01]; [H1-1.8-02]**.

Nhà trường chỉ đạo GV xây dựng môi trường GD lấy trẻ làm trung tâm, tạo môi trường GD trong và ngoài lớp học, không gian sáng tạo để trẻ được trải nghiệm, tìm tòi khám phá nhằm giúp trẻ được phát triển toàn diện các giác quan, phát triển tư duy. Bố trí, sắp xếp các khu vực chơi, hoạt động ngoài trời phù hợp với trẻ như: khu vận động, khu vườn rau của bé. Nhằm tạo cơ hội cho trẻ được vui chơi phát triển toàn diện, nhà trường đã xây dựng các khu vui chơi sáng tạo với nhiều kỹ năng cơ bản, tận dụng các khoảng không gian trong các chiều nghỉ, hành lang để trẻ trải nghiệm và tạo môi trường mở thu hút hứng thú và sự sáng tạo của trẻ **[H1-1.8-02]**. Môi trường 12/12 lớp học có các góc chơi đa dạng, nguyên vật liệu mở từ thiên nhiên và tái chế tạo môi trường thân thiện, gần gũi **[H1-1.6-03]**. Trong lớp có đầy đủ nội quy, hình ảnh định hướng góc được chính trẻ xây dựng và trang trí, sử dụng sản phẩm của trẻ để trang trí môi trường, điều này tạo nên một lớp học sinh động cũng góp phần giúp GV không phải chuẩn bị trang trí kỳ công, không phải nói nhiều khi tổ chức các hoạt động giáo dục **[H5-5.2-02]**.

Các hoạt động của trẻ được tổ chức với nhiều hình thức như: Cả lớp, nhóm lớn, nhóm nhỏ, giao lưu giữa các lớp, giao lưu tổ. Các hoạt động có khi tổ chức trong lớp, có khi ngoài trời và đôi lúc trẻ được giao lưu cùng lớp bạn, điều này giúp trẻ củng cố sự tự tin, gần gũi và thân thiện. Ngoài ra nhà trường luôn khuyến khích giúp đỡ GV tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế như: tổ chức các lễ hội “Ngày hội bé đến trường”, “Vui tết trung thu”, tổ chức các hoạt động giao lưu tập thể sân chơi “Chúng cháu vui khỏe”, tổ chức “Liên hoan hát dân ca và trò chơi dân gian”, tổ chức hoạt động lao động chăm sóc thiên nhiên, tự phục vụ để trẻ tham gia nhằm nâng cao chất lượng giáo dục các kỹ năng, cung cấp kiến thức cho trẻ **[H5-5.2-03]**. Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động ôn luyện trong hè cho trẻ và việc ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy cho trẻ **[H5-5.2-04]; [H5-5.2-05]**.

**Mức 2:**

Nhà trường đã thực hiện tốt các nội dung giúp trẻ được thực hành trải nghiệm khám phá môi trường xung quanh, trải nghiệm tại các khu sáng tạo, tổ chức các hoạt động giao lưu kỹ năng tự phục vụ, trò chơi dân gian, trò chơi vận động tạo phù hợp từng độ tuổi, tạo cơ hội cho trẻ được giao lưu phát triển tính tự tin, độc lập thông qua các hoạt động học tập, vui chơi và các ngày hội ngày lễ của trẻ [H5-5.2-06]; [H5-5.2-03].

**Mức 3**

Nhà trường đã tạo được môi trường sáng- sạch- xanh- đẹp- an toàn trong và ngoài lớp. Sân trường có đầy đủ trang thiết bị đồ chơi ngoài trời, vườn cây, thảm cỏ, khu vui chơi phát triển thể chất, khu sáng tạo để trẻ được thỏa sức vui chơi trải nghiệm [H5-5.2-07]. Môi trường lớp học GV đã xây dựng góc chơi, chuẩn bị nguyên liệu cho trẻ được hoạt động tích cực, thuận tiện, dùng sản phẩm của trẻ để trang trí lớp. Các lớp đã xây dựng góc thực hành cuộc sống, trong các góc chơi có ứng dụng phương pháp Montessori, STems với một số đồ dùng giáo cụ phù hợp với trẻ giúp trẻ “*học mà chơi - chơi bằng học*”. Tuy nhiên, đồ dùng giáo cụ tại góc thực hành cuộc sống và đồ dùng theo phương pháp Montessori tại các lớp đã được đầu tư cơ bản nhưng một số GV chưa tạo nhiều cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “*chơi mà học, học bằng chơi*” [H5-5.2-01]; [H1-1.6-03].

**2. Điểm mạnh:**

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục giúp nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với nhu cầu hứng thú của trẻ, phù hợp với điều kiện thực tế; tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương. Bên cạnh đó trường đã xây dựng môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn, có khu vui chơi sáng tạo cho trẻ thực hành, trải nghiệm.

**3. Điểm yếu:**

Một số GV chưa tạo nhiều cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “*chơi mà học, học bằng chơi*”.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Người thực hiện</b>	<b>Điều kiện đảm bảo để thực hiện</b>
- Giáo viên cần tạo nhiều cơ hội cho trẻ tham gia	Năm học 2024-2025 và các	Hiệu trưởng; PHT phụ trách chuyên môn;	- Bồi dưỡng tập huấn cho cán bộ, giáo viên tiếp tục đổi mới hình thức, phương

các hoạt động học tập, vui chơi bằng nhiều hình thức để trẻ hoạt động tích cực và hứng thú mọi lúc mọi nơi	năm học tiếp theo	giáo viên	pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, khai thác và sử dụng hiệu quả môi trường trong và ngoài lớp học. - Tổ chức các hội thi, các chuyên đề để tạo cơ hội cho giáo viên nâng cao chất lượng CSGD trẻ.
--	-------------------	-----------	---

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### Tiêu chí 5.3. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường

### 1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường phối hợp với Trạm y tế xã Bình Minh và Trung tâm y tế huyện Thanh Oai khám sức khỏe cho trẻ 01 lần/năm [H5-5.3-01]; phối



hợp cùng y tế tổ chức tiêm phòng sởi - Rubella cho trẻ từ 3-6 tuổi **[H5-5.3-02]**; phun thuốc diệt muỗi phòng bệnh sốt xuất huyết, cung cấp cho nhà trường dung dịch CloraminB để tẩy rửa đồ dùng đồ chơi phòng dịch bệnh tay chân miệng cho trẻ **[H5-5.3-03]**.

Nhà trường tổ chức cân đo vào biểu đồ tăng trưởng để theo dõi sức khỏe trẻ 3 lần/năm cho 100% trẻ vào các tháng 9,12, 4 hằng năm; nhân viên y tế kết hợp với GV các lớp cân đo cho trẻ có kế hoạch theo dõi sự phát triển chiều cao, cân nặng hằng tháng đối với trẻ suy dinh dưỡng (SDD), thấp còi, cân nặng cao hơn so với tuổi **[H1-1.5-02]**; **[H5-5.3-01]**; **[H5-5.3-02]**. Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, nhà trường đã tổng hợp kết quả theo dõi sức khỏe của trẻ, trong đó trẻ phát triển bình thường đạt từ 94% -> 98,4 %; trẻ SDD giảm còn 1,6 %; trẻ thấp còi giảm còn dưới 2%; trẻ có cân nặng cao hơn độ tuổi 1,9% **[H1-1.5-04]**.

100% trẻ SDD, thấp còi, thừa cân, béo phì được theo dõi hàng tháng thường xuyên trao đổi với phụ huynh để được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học **[H1-1.5-04]**. Đặc biệt đối với trẻ suy dinh dưỡng nhà trường có kế hoạch chăm sóc riêng tới 100% trẻ SDD bổ sung chất dinh dưỡng; tăng cường các bữa ăn có tỉ lệ canxi, B1, lựa chọn các sản phẩm từ sữa và các thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, sử dụng thực phẩm an toàn trong thực đơn hằng ngày của trẻ, đối với trẻ thừa cân, béo phì nhà trường xây dựng kế hoạch phục hồi để thực hiện các biện pháp can thiệp chăm sóc trẻ. Chính vì vậy tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học **[H5-5.3-02]**.

#### Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức tư vấn, tuyên truyền phổ biến tới CMTE những kiến thức khoa học về nuôi dưỡng, CSGD trẻ, nhằm giúp trẻ phát triển cả về thể chất, tinh thần như: Tiêm chủng, uống Vitamin, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe răng miệng, các biện pháp chăm sóc sức khỏe cho trẻ, đặc biệt là các trẻ suy dinh dưỡng (SDD), thừa cân béo phì thông qua giờ đón, trả trẻ, qua bảng tuyên truyền, các buổi họp CMTE đầu năm, giữa năm, cuối năm, bảng tin nhà trường. Tuy nhiên nhà trường chưa mời được chuyên gia chăm sóc sức khỏe trẻ về tư vấn với CMTE để giúp trẻ phát triển thể chất và tinh thần **[H4-4.1- 03]**; **[H5-5.3-02]**.

Nhà trường tổ chức cho trẻ ăn bán trú 100% tại trường với mức ăn 25.000đ/trẻ/ngày. Xây dựng thực đơn cho trẻ theo mùa, tuần chẵn, tuần lẻ, đảm bảo chế độ dinh dưỡng nâng cao chất lượng bữa ăn và phong phú các loại thực phẩm trên 10 loại/ngày, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng các độ tuổi cho trẻ. Nhà trường có sử dụng phần mềm tính ăn để tính toán đảm bảo

các chất dinh dưỡng cho trẻ cân đối tỷ lệ các chất: protein, lipid, gluxit duy trì theo định mức đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các chất theo quy định. Calo bình quân đạt: Nhà trẻ 703.7 calo (P-L-G: 15.5-35.6 - 48.9); Mẫu giáo 772 calo/ngày (P-L-G: 16-26.3- 57.7) [H1-1.6-05]; [H1-1.2-11].

Hằng năm, nhà trường có kế hoạch theo dõi cho 100% trẻ SDD, thừa cân béo phì, thấp còi được theo dõi và cân đo hằng tháng [H1-1.5-04]. Trẻ được quan tâm trong chế độ dinh dưỡng, tập luyện giúp cải thiện tình trạng thể lực [H1-1.6-02]. Trong những năm học qua, tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi), trẻ thấp còi (chiều cao theo tuổi) đầu năm là trên 3,5-4% đến cuối năm giảm xuống còn dưới 2% (giảm gần 2% so với đầu năm) trên số tổng học sinh toàn trường [H1-1.2-11].

### Mức 3:

Nhà trường triển khai thực hiện nghiêm túc việc cân đo khám sức khỏe cho trẻ và theo dõi khám sức khỏe cho trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng theo từng quý, từng năm đúng theo quy định. Kết quả tổng hợp qua số theo dõi đánh giá trẻ của nhà trường hằng năm đảm bảo tỷ lệ trẻ phát triển bình thường đạt từ 94 % -> 98%. Năm học 2023-2024 cân nặng bình thường trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt 98.4% [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H1-1.5-04].

## 2. Điểm mạnh:

100% trẻ được kiểm tra và khám sức khỏe ít nhất 01 lần/năm học, trẻ SDD, thấp còi, trẻ thừa cân, béo phì đã được nhà trường áp dụng các biện pháp can thiệp kịp thời, hiệu quả. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ cho các bậc phụ huynh được nhà trường quan tâm và phối hợp chặt chẽ.

## 3. Điểm yếu:

Không có điểm yếu

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp
- Tuyên truyền cho CM TE về các vấn đề liên quan đến chế độ ăn uống và hoạt động phù hợp với độ tuổi của trẻ - Duy trì thực hiện các biện pháp chăm	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng, PHT phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng; nhân viên y tế.	- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả kế hoạch chăm sóc sức khỏe. - Thường xuyên kiểm tra, theo dõi và đánh giá kịp thời tình hình sức khỏe trẻ để có biện pháp nuôi

sóc nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ để trẻ phát triển tốt.			duỡng, chăm sóc phù hợp.
--	--	--	--------------------------

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	c	Đạt	-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### Tiêu chí 5.4. Kết quả giáo dục

#### Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

#### Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi.

b) Tỷ lệ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%.

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

#### Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%

b) Trẻ khuyết tật hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%

### 1. Mô tả hiện trạng

#### Mức 1:

Năm học 2023 - 2024 nhà trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục theo chương trình, xây dựng môi trường xanh-sạch-đẹp-an toàn, môi trường giao tiếp cởi mở, văn hóa tạo tâm thế cho trẻ thích đi học. GV phối hợp tuyên truyền với

CMTE CSGD trẻ, đưa trẻ đến trường đúng giờ. Hằng tháng, học kỳ, kết thúc năm học GV theo dõi tỷ lệ bé chuyên cần của lớp, trong các kỳ họp CMTE, GV đều xây dựng chỉ tiêu liên quan đến tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần. Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi đạt 92-95%, đối với trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 87 – 92%. Tuy nhiên, do đặc thù lễ hội làng thường tổ chức vào mùa xuân nên các bậc phụ huynh thường cho con nghỉ học, 1 số CMTE có điều kiện thường cho con nghỉ đi du lịch, về quê dài ngày, nên cũng ảnh hưởng đến tỉ lệ chuyên cần của trường, lớp **[H1-1.5-02]; [H1-1.5-04]**.

Theo số liệu điều tra phổ cập trẻ 5 tuổi trên địa bàn, số trẻ 5 tuổi trong tuyển tuyển sinh của nhà trường đảm bảo 100% các nhóm lớp trong nhà trường đều thực hiện chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, trẻ được tham gia các hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm, hoạt động lao động, giao lưu tham quan học tập giúp trẻ phát triển toàn diện 5 lĩnh vực theo mục tiêu chung và mục tiêu riêng từng độ tuổi. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN **[H5-5.4-01]**.

Nhà trường có học sinh có hoàn cảnh khó khăn được hưởng các chế độ chính sách theo quy định **[H1-1.5-02]; [H5-5.4-02]**.

Mức 2:

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đảm bảo 95%. Học sinh dưới 5 tuổi đạt trung bình 90%. Song tỷ lệ chuyên cần không đồng đều ở các tháng **[H1-1.05-02]**.

100% trẻ 5 tuổi ra lớp và hoàn thành Chương trình GDMN theo quy định **[H5-5.4-01]**.

Mức 3:

100% trẻ 5 tuổi được đánh giá theo các mục tiêu các lĩnh vực của độ tuổi. Năm học 2023-2024 nhà trường có 86 trẻ 05 tuổi hoàn thành chương trình GDMN theo đúng quy định. Từ năm 2019-2020 đến hết năm học 2023-2024 xã Bình Minh luôn đạt phổ cập giáo dục cho trẻ MN 5 tuổi **[H1-1.5-01]; [H1-1.5-01]; [H5-5.4-01]**.

## **2. Điểm mạnh:**

100% trẻ 5 tuổi đã hoàn thành chương trình GDMN và đạt phổ cập giáo dục cho trẻ MN 5 tuổi theo đúng quy định. Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đảm bảo 95%, trẻ dưới 5 tuổi đạt 90%.

## **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ chuyên cần không đồng đều ở các tháng.

## **4. Kế hoạch cải tiến**

<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Người thực hiện</b>	<b>Giải pháp</b>
-----------------	----------------------------	------------------------	------------------

Nâng cao tỷ lệ chuyên cần của trẻ trong các độ tuổi.	Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	Hiệu trưởng, PHT và giáo viên 12 nhóm, lớp.	- Tăng cường công tác tuyên truyền với CMHS và cộng đồng dân cư về tầm quan trọng của chương trình GDMN. - Chỉ đạo giáo viên xây dựng tốt môi trường tâm lý, môi trường vật chất để thu hút trẻ đến lớp.
--	--	---	---

### 5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	-	
Đạt		Đạt		Đạt	

### Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Trong những năm qua nhà trường luôn có kế hoạch chỉ đạo sát sao trong thực hiện chương trình và phát triển chương trình GDMN của Bộ Giáo dục ban hành. Nhà trường thực hiện tốt chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

Nhà trường thường xuyên khảo sát, đánh giá việc thực hiện của giáo viên từ đó từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Việc tổ chức các hoạt động giáo dục được nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục nhằm đảm bảo phù hợp với nội dung giáo dục, phù hợp khả năng nhận thức, nhu cầu hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế trường lớp. Môi trường giáo dục được xây dựng dựa trên quan điểm và áp dụng các tiêu chí “*Lấy trẻ làm trung tâm*”. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “*Chơi mà học, học bằng chơi*”

Các hoạt động giáo dục được tổ chức đa dạng bằng nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với lứa tuổi trẻ và điều kiện thực tế. Nhà trường và giáo viên các nhóm lớp tổ chức tốt các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh qua các hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, ngày hội, ngày lễ. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. Nhà trường luôn chú trọng đến công tác CSND trẻ, đã phối hợp với các tổ chức trong việc khám và kiểm tra sức khỏe trẻ hàng năm, có những biện pháp can thiệp, cải tạo tình trạng sức khỏe đối với những trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân... đạt hiệu quả.

**\* Đánh giá:****- Mức 1:**

- + Số lượng tiêu chí đạt 4/4;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/4.

**- Mức 2:**

- + Số lượng tiêu chí đạt 4/4;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/4.

**- Mức 3:**

- + Số lượng tiêu chí đạt 4/4;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/4.

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4****Mở đầu:**

Trường MN Bình Minh II có đội ngũ GV đủ về số lượng, đảm bảo về năng lực và trình độ đào tạo chuyên môn đáp ứng tốt nhiệm vụ CSGD trẻ. Trong những năm qua nhà trường tiếp tục thực hiện Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT ban hành, đồng thời cập nhật, tham khảo lựa chọn và áp dụng một số phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trên thế giới và của khu vực phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, phù hợp với văn hóa của địa phương để bổ sung vào kế hoạch giáo dục trẻ. Hàng năm, nhà trường tổ chức đánh giá Chuẩn nghề nghiệp GVMN theo quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Quy định chuẩn nghề nghiệp GVMN. Nhà trường có đủ các trang thiết bị phục vụ hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, sân chơi có bóng mát và khu vui chơi cho trẻ. Có khu vực trải nghiệm, các góc chơi ở các chiều nghỉ cầu thang, hành lang để tạo nhiều cơ hội cho trẻ được khám phá giúp trẻ phát triển toàn diện.

**Tiêu chí 1:**

*Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT ban hành trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến STEAM của các nước trong khu vực và thế giới theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT Hà Nội, hướng dẫn của Phòng GD&ĐT huyện Thanh Oai; chương trình giáo dục thúc đẩy được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi, với thực tiễn của trường, địa phương. ../... cán bộ, GV có chứng chỉ bồi dưỡng Phương pháp

giáo dục STEAM, 100% GV được tiếp cận với phương pháp STEAM và ứng dụng phương pháp vào trong tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp. Tuy nhiên việc tiếp cận và ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến của GV do mới áp dụng nên hiệu quả chưa cao [H5-5.1-03].

## 2. Điểm mạnh.

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đúng theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT Hà Nội, hướng dẫn của Phòng GD&ĐT huyện Thanh Oai. Có 100% GV được tiếp cận với phương pháp STEAM và ứng dụng phương pháp vào trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

## 3. Điểm yếu.

Việc tiếp cận và ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến của GV do mới áp dụng nên hiệu quả chưa cao.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
<p>Nhà trường tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo hướng dẫn chỉ đạo của Sở GD&amp;ĐT Hà Nội, Phòng GD&amp;ĐT Thanh Oai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn các phương pháp giáo dục tiên tiến phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.</li> <li>- Thường xuyên kiểm tra bồi dưỡng, tổ chức các buổi chuyên đề tập huấn lĩnh vực phát triển. nhận thức và phát triển thẩm mỹ.</li> </ul>	<p>Năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo</p>	<p>Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn GD; giáo viên.</p>	<p>Cử GV tham gia các buổi bồi dưỡng CM do Sở GD&amp;ĐT thành phố Hà Nội, Phòng GD&amp;ĐT huyện Thanh Oai tổ chức, chia sẻ tài liệu, mời chuyên gia về hướng dẫn cho GV về nội dung ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến vào việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục Phương pháp giáo dục Steam.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng tiếp cận hình thức, phương pháp giáo dục tiên tiến. Xây dựng các lớp điểm để thực hành các phương pháp giáo dục tiên tiến để lan tỏa đến toàn trường.</li> </ul>

			- Xây dựng kế hoạch, tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng lĩnh vực phát triển nhận thức và phát triển thẩm mỹ.
--	--	--	--

## 5. Tự đánh giá: Đạt

### Tiêu chí 2:

*Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất trên 50 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.*

#### 1. Mô tả hiện trạng

Hằng năm nhà trường thực hiện tự đánh giá và đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã tiến hành đánh giá theo đúng quy trình, quy định: Năm học 2019-2020 có 04/35 xếp loại tốt đạt 11%; 16/35 xếp loại khá đạt 46%; 15/35 xếp loại tốt đạt 46%; Năm học 2020-2021 có 05/28 xếp loại đạt 18%; 17/28 xếp loại khá đạt 29%; 06/28 xếp loại tốt đạt 21%. Năm học 2021-2022 có 05/28 xếp loại đạt 18%; 19/28 xếp loại khá đạt 68%, 04/28 xếp loại tốt đạt 14%. Năm học 2022-2023 có 11/27 xếp loại tốt đạt 41%; 17/27 xếp loại khá đạt 63%; Năm học 2023-2024 có 13/27 xếp loại tốt đạt 42%; 17/30 xếp loại khá đạt 58% [H2-2.2-03];[H1-1.2-11]. Chất lượng đội ngũ GV nhiệt tình, có chuyên môn vững vàng, luôn yêu thương trẻ, tận tâm với nghề có trình độ trên chuẩn cao 85.2%, thực hiện tốt việc CSGD trẻ, đáp ứng các chỉ tiêu phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã xây dựng [H2-2.2-02].

#### 2. Điểm mạnh.

Đội ngũ GV nhiệt tình, có chuyên môn vững vàng, luôn yêu thương trẻ, tận tâm với nghề, có trình độ trên chuẩn cao 85.2%, thực hiện tốt việc CSGD trẻ, đáp ứng các chỉ tiêu phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã xây dựng.

#### 3. Điểm yếu.

Tỷ lệ GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt còn thấp, có năm chưa đạt 50%.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
----------	---------------------	-----------------	---------------------



<p>- Nâng cao chất lượng phát triển đội ngũ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt.</p> <p>- Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm, kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ và ứng dụng CNTT cho đội ngũ giáo viên.</p>	<p>Năm học 2024- 2025 và các năm học tiếp theo</p>	<p>- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn GD, giáo viên.</p>	<p>- Bồi dưỡng tập huấn cho cán bộ, giáo viên tiếp tục đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục, khai thác và sử dụng hiệu quả môi trường trong và ngoài lớp học.</p> <p>- Tiếp tục xây dựng, điều chỉnh kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên phù hợp với tình hình thực tế chất lượng đội ngũ của nhà trường; tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên dưới nhiều hình thức như: mời giáo viên, giảng viên về giảng, tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng của cấp trên; bồi dưỡng qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, tự bồi dưỡng...</p>
--	--	---	---

### **5. Tự đánh giá:** Không đạt

#### **Tiêu chí 3:**

*Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.*

#### **1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có diện tích sân vườn 1.950 m<sup>2</sup> đảm bảo theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non, được quy hoạch, có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động GD phát triển vận động, có khu vực hoạt động ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện với đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Nhà trường chưa có sân chơi riêng cho từng nhóm lớp [H3-3.1-03];[H3-3.1-04];[H3-3.1-05].

#### **2. Điểm mạnh.**

Nhà trường có diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Có sân chơi chung tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

#### **3. Điểm yếu.**

Nhà trường chưa có sân chơi riêng cho từng nhóm lớp

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Tạo sân chơi riêng cho từng nhóm lớp theo độ tuổi để trẻ được hoạt động vui chơi phù hợp độ tuổi	Năm học 2024-2025	BGH, kế toán, giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- BGH phân chỉ các khu vực sân chơi quy định cho từng khối lớp, GV lên lịch luân phiên cho trẻ được vui chơi các ngày trong tuần</li> <li>- BGH tích cực tham mưu xã và huyện sớm xây dựng khu trường mới có đủ sân chơi chung và sân chơi cho từng nhóm lớp để cho trẻ được vui chơi, hoạt động trải nghiệm.</li> </ul>

**5 Tự đánh giá:** Không đạt

#### Tiêu chí 4:

*100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.*

##### 1. Mô tả hiện trạng

100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực sân chơi dành riêng để phát triển vận động cho trẻ. Tuy nhiên nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý và phòng giáo dục thể chất cho trẻ đảm bảo theo yêu cầu và chưa tổ chức được các môn thể thao cho trẻ [H3-3.1-02];[H3-3.2-02].

##### 2. Điểm mạnh.

Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

##### 3. Điểm yếu.

Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý và phòng giáo dục thể chất cho trẻ đảm bảo theo yêu cầu và chưa tổ chức được các môn thể thao cho trẻ.

#### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Người thực hiện</b>	<b>Giải pháp thực hiện</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí 01 phòng tư vấn tâm lý. Xây dựng lộ trình bổ sung thêm phòng tư vấn tâm lý khi xây dựng khu trường mới.</li> <li>- Sân chơi phát triển vận động cho trẻ tổ chức 02 môn thể thao phù hợp với trẻ.</li> <li>- Xây dựng kế hoạch tuyển hợp đồng giáo viên chuyên thể thao để phát triển thể chất cho trẻ.</li> </ul>	<p>Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo</p>	<p>BGH, giáo viên</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- BGH nhà trường bố trí 01 phòng để tư vấn tâm lý cho trẻ và cha mẹ trẻ khi cần thiết vào phòng y tế của nhà trường. Tích cực tham mưu khi xây dựng khu trường mới có phòng tư vấn tâm lý</li> <li>- Sắp xếp thiết bị đồ chơi ngoài trời ở khu phát triển vận động để tổ chức được 2 môn thể thao như bóng đá mini và bóng rổ phù hợp với trẻ mẫu giáo.</li> <li>- Tuyển hợp đồng giáo viên chuyên thể thao khi đủ điều kiện cơ sở vật chất để phát triển thể chất cho trẻ trong năm 2025 và các năm tiếp theo</li> </ul>

**5 Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 5:**

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường: Có đủ đội ngũ CBGVNV theo yêu cầu, 100% CBGVNV có trình độ đạt chuẩn, tỷ lệ GV trên chuẩn 85.2%. Tỷ lệ Đảng viên đạt 61.9%. Về chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ: hàng năm huy động nhà trẻ 31.3%; MG 95,6%; 5 tuổi 100% các cháu trong độ tuổi ra lớp; 100% trẻ được ăn bán trú tại trường, trẻ đến trường đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần, được khám sức khỏe định kỳ theo quy định; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng hàng năm giảm xuống dưới 2%; tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần đảm bảo theo quy định; 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục cho trẻ 5 tuổi; 100% các nhóm lớp thực hiện nghiêm túc

chương trình GDMN do bộ GDĐT ban hành, có cập nhật đổi mới hình thức tổ chức và ứng dụng một số phương pháp giáo dục tiên tiến trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ. Về CSVC đảm bảo đủ phòng học cho trẻ. Song còn thiếu phòng giáo dục thể chất, các phòng ngoại ngữ, tin học và phòng tư vấn tâm lý...[H1-1.1- 06];[H1-1.2- 11].

## 2. Điểm mạnh.

Nhà trường đã hoàn thành được các mục tiêu chính về đội ngũ CBGVNV, chất lượng CSGD trẻ, đã đưa ra được các giải pháp phù hợp theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

## 3. Điểm yếu.

CSVC chưa đáp ứng yêu cầu, còn thiếu phòng giáo dục thể chất, các phòng ngoại ngữ, tin học và phòng tư vấn tâm lý... theo mục tiêu mà phương hướng, chiến lược, phát triển nhà trường đã xây dựng.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Hoàn thành tất cả các mục tiêu về CSVC theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	Năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo	BGH, giáo viên, nhân viên	Nhà trường tích cực tham mưu với xã và UBND huyện đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng khu trường mới đáp ứng yêu cầu CSGD trẻ theo tiêu chuẩn Việt Nam

**5 Tự đánh giá:** Không đạt

### Tiêu chí 6:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.*

### 1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã đạt được nhiều thành tích, liên tục đạt đạt tập thể lao động tiên tiến [H1-1.2-12]. Đội ngũ CBGVNV nhà trường tích cực đổi mới, không ngừng nâng cao chất lượng CSGD trẻ. Có nhiều GVNV thi đạt giải cao cấp huyện trong hội thi GV giỏi, nhân viên nuôi dưỡng giỏi cấp huyện và các hội thi do huyện tổ chức. Trường chưa đạt tập thể lao động xuất sắc, chưa có các hoạt động khác vượt trội so với các trường bạn trong huyện [H1-1.4-06].

## 2. Điểm mạnh.

Nhà trường đã đạt được nhiều thành tích, liên tục đạt đạt tập thể lao động tiên tiến.

## 3. Điểm yếu.

Trường chưa đạt tập thể lao động xuất sắc, chưa có các hoạt động khác vượt trội so với các trường bạn trong huyện.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Giải pháp thực hiện
- Nâng cao chất lượng CSGD trẻ tại nhà trường. Phấn đấu trường đạt tập thể lao động xuất sắc, đạt kết quả vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng	Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo	Tập thể CBGVNV trong nhà trường	- Tiếp tục bồi dưỡng cho đội ngũ CBGVNV phát huy tính sáng tạo, động viên khuyến khích GV tự học tập bồi dưỡng, lan tỏa những ý tưởng sáng tạo đến tập thể GV trong nhà trường. - Đầu tư CSVC, trang thiết bị hiện đại tiếp cận với các phương pháp giáo dục tiên tiến nâng cao chất lượng CSGD trẻ, phấn đấu có GVNV tham gia Hội thi cấp Thành phố.

## 5. Tự đánh giá: Không đạt

### Kết luận mức 4

Trong những năm qua Trường MN Bình Minh II luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học được giao. Nhà trường có đủ các trang thiết bị phục vụ hoạt động CSGD trẻ. Nhà trường đã hoàn thành chỉ tiêu các mục tiêu về chất lượng đội ngũ và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017- 2020; 2021-2025. CSVC được xây dựng kiên cố. Đội ngũ CBGVNV đủ về số lượng, đảm bảo yêu cầu về chất lượng. Tỷ lệ GV có trình độ trên chuẩn cao 85.2% tích cực đổi mới, không ngừng nâng cao chất lượng CSGD trẻ. Có nhiều GVNV thi đạt giải cao cấp huyện trong hội thi GV giỏi, nhân viên nuôi dưỡng giỏi cấp huyện và các hội thi, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do huyện và xã tổ chức. Trường liên tục đạt tập thể lao động tiên tiến. Bên cạnh đó nhà trường còn khó khăn về CSVC thiếu phòng chức năng, các phòng hỗ trợ tư vấn tâm lý, chưa có sân chơi riêng cho các lớp. Trường chưa đạt tập thể lao động xuất sắc, chưa có các hoạt động vượt trội so với các trường bạn trong huyện

### \* Đánh giá mức 4:

- + Số lượng tiêu chí đạt 1/6;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 5/6.

### **PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG**

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo ngành Giáo dục, Đảng ủy, chính quyền địa phương, cùng với sự cố gắng nỗ lực của tập thể CBGVNV nhà trường, trường MN Bình Minh II đã hoàn thành quy trình TĐG. Trong quá trình thực hiện công tác TĐG, nhà trường đã nghiêm túc tuân theo các bước thực hiện, sử dụng toàn bộ dữ liệu và phân tích, đánh giá một cách trung thực, khách quan, bám sát nội hàm các chỉ số, tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn chất lượng của trường mầm non. Qua quá trình tự tiến hành đánh giá của nhà trường, kết quả đạt được qua chỉ báo, các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục như sau:

#### **1. Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt và không đạt**

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 25/25, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/25, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 25/25, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/25, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 17/19, đạt tỷ lệ: 89.5%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 2/19, đạt tỷ lệ: 10.5%;

- Mức 4:

- + Số lượng tiêu chí đạt 1/6, đạt tỷ lệ: 16.7%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 5/6, đạt tỷ lệ: 83.3%;

#### **2. Cơ sở giáo dục tự đánh giá.**

- Mức đánh giá của trường: Đạt kiểm định cấp độ 2
- Trường chuẩn Quốc gia Mức độ 1

Căn cứ theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường MN.

Căn cứ kết quả TĐG của nhà trường, Trường MN Bình Minh II, xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và công nhận trường chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đào Thị Bích Hường**

**PHẦN IV - PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC MÃ THÔNG TIN VÀ MINH CHỨNG**

<b>Tiêu chuẩn</b>	<b>Tiêu chí</b>	<b>Số TT</b>	<b>Mã thông tin, minh chứng</b>	<b>Tên thông tin, minh chứng</b>	<b>Số, ngày/tháng ban hành hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát</b>	<b>Nơi ban hành hoặc người thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tiêu chuẩn 1</b>	<b>Tiêu chí 1.1</b>	1.	H1-1.1-01	Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025	Số 16/PH-MN ngày 01/3/2021	Trường MN Bình Minh II	
		2.	H1-1.1-02	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		3.	H1-1.1-03	Biên bản công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Năm học 2021-2022	Trường MN Bình Minh II	
		4.	H1-1.1-04	Biên bản kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Năm học 2022-2023	Trường MN Bình Minh II	
		5.	H1-1.1-05	Bản cam kết chất lượng theo thông tư 36	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	

	6.	H1-1.1-06	Báo cáo sơ kết việc thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường	Năm học 2022-2023	Trường MN Bình Minh II	
	7.	H1-1.1-07	Sổ nghị quyết họp Hội đồng trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
<b>Tiêu chí 1.2</b>	8.	H1-1.2-01	Quyết định kiện toàn hội đồng trường	- Số 244/QĐ-PGD&ĐT ngày 20/3/2021	UBND Huyện Thanh Oai	
	9.	H1-1.2-02	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	10.	H1-1.2-03	Quyết định thành lập hội đồng thi GVNV giỏi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	11.	H1-1.2-04	Quyết định thành lập hội đồng chấm SKKN	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	12.	H1-1.2-05	Quyết định thành lập hội đồng TĐG; hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp GVMN	Năm học 2023- 2024	Trường MN Bình Minh II	
	13.	H1-1.2-06	Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-	Phòng GD&ĐT Thanh Oai	



			2024		
14.	H1-1.2-07	Biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
15.	H1-1.2-08	Biên bản chấm SKKN	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
16.	H1-1.2-09	Biên bản chấm thi GVNV giỏi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
17.	H1-1.2-10	Hồ sơ tuyển sinh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
18.	H1-1.2-11	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
19.	H1-1.2-12	Giấy khen của nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	UBND huyện; Phòng GD&ĐT Thanh Oai	
20.	H1-1.2-13	Kết quả các hội thi của huyện, SKKN cấp huyện	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	UBND huyện; Phòng GD&ĐT Thanh Oai	

<b>Tiêu chí 1.3</b>	21.	H1-1.3-01	Quyết định thành lập BCHCD, UBKT công đoàn	Số 148/QĐ-LĐLĐ ngày 21/10/2017	LĐLĐ Huyện Thanh Oai	
	22.	H1-1.3-02	Quyết định thành lập đoàn thanh niên CSHCM	Số 01/QĐ-ĐX	Đoàn xã Bình Minh	
	23.	H1-1.3-03	Hồ sơ hoạt động Chi hội chữ thập đỏ; Danh sách hiến máu nhân đạo	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Chi hội chữ thập đỏ	
	24.	H1-1.3-04	Hồ sơ hoạt động Công đoàn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Công đoàn	
	25.	H1-1.3-05	Hồ sơ hoạt động Chi đoàn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Chi đoàn	
	26.	H1-1.3-06	Quyết định chuẩn y cấp ủy, Bí thư chi bộ	Nhiệm kỳ 2017-2020; 2020-2022; 2022-2025	Đảng ủy Xã Bình Minh	
	27.	H1-1.3-07	Hồ sơ hoạt động của chi bộ	Nhiệm kỳ 2017-2020; 2020-2022; 2022-2025	Chi bộ	
	28.	H1-1.3-08	Các loại chứng nhận xếp loại chi bộ, Đảng viên, giấy khen của Chi bộ nhà trường	Từ năm 2019 đến năm 2023	Đảng ủy Xã	
	29.	H1-1.3-9	Các loại chứng nhận, giấy khen của công đoàn, Chi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-	UBND huyện Thanh Oai;	

		đoàn thanh niên,	2024	LĐLĐ huyện huyện Thanh Oai; LĐLĐ huyện. UBND xã		
<b>Tiêu chí 1.4</b>	30.	H1-1.4-01	Quyết định bổ nhiệm chức danh Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Số: 7938/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	UBND Huyện Thanh Oai	
	31.	H1-1.4-02	QĐ thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng QĐ bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ CM và tổ VP	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Bình Minh II	
	32.	H1-1.4-03	Kế hoạch hoạt động của các tổ CM và tổ VP	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Bình Minh II	
	33.	H1-1.4-04	Biên bản sinh hoạt của các tổ CM và tổ VP	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Bình Minh II	
	34.	H1-1.4-05	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên đề, chuyên môn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Bình Minh II	
	35.	H1-1.4-06	Giấy khen của CBGVNV	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023- 2024	UBND huyện; Phòng GD&ĐT; Trường MN Bình	

					Minh II	
<b>Tiêu chí 1.5</b>	36.	H1-1.5-01	Danh bộ học sinh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MNBình Minh II	
	37.	H1-1.5-02	Sổ theo dõi trẻ đến nhóm lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	38.	H1-1.5-03	Hồ sơ trẻ khuyết tật	Năm học 2022-2023	Trường MN Bình Minh II	
	39.	H1-1.5-04	Sổ theo dõi chất lượng của nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
<b>Tiêu chí 1.6</b>	40.	H1-1.6-01	Hồ sơ cán bộ công chức của CBGVNV	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	Phòng kế toán
	41.	H1-1.6-02	Hồ sơ quản lý chuyên môn chăm sóc nuôi dưỡng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	42.	H1-1.6-03	Hồ sơ quản lý chuyên môn giáo dục	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	

43.	H1-1.6-04	Hồ sơ quản lý tài sản cố định, tài chính	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	Phòng kế toán
44.	H1-1.6-05	Hồ sơ quản lý bán trú	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
45.	H1-1.6-06	Sổ theo dõi công văn đi, đến	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
46.	H1-1.6-07	Dự toán, thông báo xét duyệt tài chính hằng năm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phòng TC-KH huyện; Trường MN Bình Minh II	Phòng kế toán
47.	H1-1.6-08	Bản niêm yết công khai Thu chi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
48.	H1-1.6-09	Kế hoạch thu chi học phí và các khoản thu khác	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
49.	H1-1.6-10	Đề án; Dự toán ngân sách	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	Phòng kế toán
50.	H1-1.6-11	Quy chế chi tiêu nội bộ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-	Trường MN Bình Minh II	

			2024		
	51.	H1-1.6-12	Kế hoạch mua sắm, cải tạo và sửa chữa tài sản, CSVC	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II
	52.	H1-1.6-13	Hóa đơn mua phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp Das; hóa đơn tiện tử	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II
	53.	H1-1.6-14	Biên bản kiểm tra tài chính	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phòng TC-KH huyện
<b>Tiêu chí 1.7</b>	54.	H1-1.7-01	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn của nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II
	55.	H1-1.7-02	Danh sách CBGVNV tham gia tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II
	56.	H1-1.7-03	QĐ phân công nhiệm vụ cho CBGVNV	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II
	57.	H1-1.7-04	Bảng phân công dây chuyền của giáo viên và nhân viên tổ bếp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II

58.	H1-1.7-05	Sổ hợp BGH; Lịch trực của BGH và lịch công tác cá nhân tuần của BGH	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
59.	H1-1.7-06	Thông báo xếp loại CBCCVC, LĐHĐ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
60.	H1-1.7-07	Biên bản họp tăng lương	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
61.	H1-1.7-08	Giấy khám sức khỏe của CBGVNV	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
62.	H1-1.7-09	Hợp đồng đi thăm quan của CBGVNV	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
63.	H1-1.7-10	Quy chế thi đua khen thưởng. Danh sách khen thưởng	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
64.	H1-1.7-11	Hồ sơ ăn Công đoàn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
65.	H1-1.7-12	Hồ sơ quy hoạch nguồn cán bộ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-	Huyện Thanh Oai; Trường MN	

				2024	Bình Minh II	
<b>Tiêu chí 1.8</b>	66.	H1-1.8-01	Kế hoạch giáo dục của trường, các nhóm lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	67.	H1-1.8-02	Kế hoạch giáo dục tuần tháng các nhóm lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	68.	H1-1.8-03	Sổ dự giờ của BGH	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	69.	H1-1.8-04	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	70.	H1-1.8-05	Biên bản kiểm tra của huyện	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	UBND huyện; Phòng GD&ĐT	
<b>Tiêu chí 1.9</b>	71.	H1-1.9-01	Sổ ghi biên bản họp hội đồng sư phạm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	72.	H1-1.9-02	Hồ sơ thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	



	73.	H1-1.9-03	Nghị quyết hội nghị CCVC,NLĐ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	74.	H1-1.09-04	Báo cáo Quy chế dân chủ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	75.	H1-1.9-05	Hồ sơ hoạt động của Thanh tra nhân dân	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
<b>Tiêu chí 1.10</b>	76.	H1-1.10-01	Các phương án, kế hoạch đảm bảo ANTT trong nhà trường, an toàn phòng chống TNTT, phòng chống dịch bệnh, phòng chống ngộ độc thực phẩm, phòng chống cháy nổ....	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	77.	H1-1.10-02	Hồ sơ PCCC, Giấy chứng nhận đội PCCC cơ sở	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	78.	H1-1.10-03	Giấy chứng nhận bếp ăn đủ điều kiện an toàn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Phòng y tế Huyện Thanh Oai	

		79.	H1-1.10-04	Giấy chứng nhận trường học an toàn	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	UBND Huyện Thanh Oai	
		80.	H1-1.10-05	Hồ sơ hoạt động y tế	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		81.	H1-1.10-06	Hình ảnh hòm thư góp ý	Năm học 2023- 2024	Trường MN Bình Minh II	
<b>Tiêu chuẩn 2</b>	<b>Tiêu chí 2.1</b>	82.	H2-2.1-01	Văn bằng, chứng chỉ của Hiệu Trưởng, phó hiệu trưởng	Từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Các trường đào tạo	
		83.	H2-2.1-02	Tổng hợp đánh giá xếp loại chuẩn HT, PHT Phiếu đánh giá chuẩn HT, PHT	Từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Trường MN Bình Minh II	
	<b>Tiêu chí 2.2</b>	84.	H2-2.2-01	Sổ nhân sự theo dõi và thi đua	Từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Trường MN Bình Minh II	
		85.	H2-2.2-02	Bằng cấp của giáo viên	Từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Trường MN Bình Minh II	
		86.	H2-2.2-03	Tổng hợp đánh giá xếp loại chuẩn GV.	Từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-	Trường MN Bình Minh II	

			Phiếu đánh giá chuẩn GV	2023			
<b>Tiêu chí 2.3</b>	87.	H2-2.3-01	Văn bằng chứng chỉ của nhân viên	Từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Các trường đào tạo		
	88.	H2-2.3-02	Xác nhận kiến thức VSATTP	Từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Trường MN Bình Minh II		
	89.	H2-2.3-03	Danh sách bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hè	Từ năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Trường MN Bình Minh II		
<b>Tiêu chuẩn 3</b>	<b>Tiêu chí 3.1</b>	90.	[H3-3.1-01]	Trích lục bản đồ	Năm 2016	UBND xã	
		91.	[H3-3.1-02]	Hồ sơ thiết kế	Năm 2023	Ban quản lý dự án huyện Thanh Oai	
		92.	[H3-3.1-03]	Ảnh chụp thực tế khuôn viên trường, sân chơi	Năm 2024	Trường MN Bình Minh II	
		93.	[H3-3.1-04]	Sổ theo dõi tài sản của nhà trường	Năm 2023	Trường MN Bình Minh II	
	<b>Tiêu chí 3.2</b>	94.	[H3-3.2-01]	Báo cáo thống kê	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		95.	[H3-3.2-02]	Sổ theo dõi tài sản các lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	

<b>Tiêu chí 3.3</b>	96.	[H3-3.3-01]	Sơ đồ nhà trường	Năm 2024	Trường MN Bình Minh II	
	97.	[H3-3.3-02]	Ảnh chụp nhà để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm 2024	Trường MN Bình Minh II	
<b>Tiêu chí 3.4</b>	98.	[H3-3.4-01]	Ảnh chụp khu bếp ăn	Năm 2024	Trường MN Bình Minh II	
	99.	[H3-3.4-02]	Ảnh kho để lương thực, thực phẩm	Năm 2024	Trường MN Bình Minh II	
	100.	[H3-3.4-03]	Bản cam kết ATTP	Năm 2023	Trường MN Bình Minh II	
<b>Tiêu chí 3.5</b>	101.	[H3-3.5-01]	Sổ cấp phát đồ dùng đồ chơi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	102.	[H3-3.5-02]	Danh mục đồ dùng đồ chơi tự làm	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	103.	[H3-3.5-03]	Kế hoạch mua sắm trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	104.	[H3-3.5-04]	Hợp đồng mạng Internet	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Công ty Viettel	
<b>Tiêu chí 3.6</b>	105.	[H3-3.6-01]	Hình ảnh nhà vệ sinh của giáo viên, học sinh	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	106.	[H3-3.6-02]	Hợp đồng nước uống tinh khiết	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	

		107.	[H3-3.6-03]	Kết quả xét nghiệm nước sinh hoạt.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Công ty nước	
		108.	[H3-3.6-04]	Hợp đồng thu gom rác thải.	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
<b>Tiêu chuẩn 4</b>	<b>Tiêu chí 4.1</b>	109.	H4-4.1-01	Danh sách Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, của lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		110.	H4-4.1-02	Kế hoạch phối hợp hoạt động của BGH với Ban đại diện CMTE	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		111.	H4-4.1-03	Biên bản họp CMTE	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		112.	H4-4.1-04	Quy chế hoạt động của ban đại diện CMTE	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		113.	H4-4.1-05	Ảnh CMTE tham gia các hoạt động của Trường, tặng quà trẻ có hoàn cảnh khó khăn	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		114.	H4-4.1-06	Hồ sơ thu chi quỹ CMTE	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	<b>Tiêu chí 4.2</b>	115.	H4-4.2-01	Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	

		116.	H4-4.2-02	Tổng hợp kết quả xã hội hóa giáo dục	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		117.	H4-4.2-03	Ảnh CMTE tặng cây xanh, bóng nhựa, đồ chơi.	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		118.	H4-4.2-04	Kế hoạch cho trẻ tham quan dã ngoại	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		119.	H4-4.2-05	Ảnh CMTE tham gia các hoạt động của trường, tặng quà trẻ có hoàn cảnh khó khăn; Ảnh trẻ tham gia các sự kiện của địa phương	Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
<b>Tiêu chuẩn 5</b>	<b>Tiêu chí 5.1</b>	120.	H5-5.1-01	Ngân hàng mục tiêu, nội dung giáo dục	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		121.	H5-5.1-02	Kế hoạch công tác hàng tháng của nhà trường	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
		122.	H5-5.1-03	Giáo dục Stem, chứng chỉ Stem	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	

	123.	H5-5.1-04	Kế hoạch, biên bản ghi nhớ liên kết với trường MN Hồ Tùng Mậu	Năm học 2022- 2023	Trường MN Bình Minh II, MN Hồ Tùng Mậu	
<b>Tiêu chí 5.2</b>	124.	H5-5.2-01	Sổ nhật ký nhóm lớp	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	125.	H5-5.2-02	Thực tế và hình ảnh nội quy các góc chơi	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	126.	H5-5.2-03	Kế hoạch tổ chức các hội thi của trẻ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	127.	H5-5.2-04	Hồ sơ hoạt động hè	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	128.	H5-5.2-05	Kế hoạch ứng dụng CNTT	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	129.	H5-5.2-06	Ảnh -Thực tế phòng âm nhạc	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024	Trường MN Bình Minh II	
	130.	H5-5.2-07	Thực tế và hình ảnh các hoạt động vui chơi, học tập	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-	Trường MN Bình Minh II	

			của trẻ tại các khu trại nghịem sáng tạo	2024		
<b>Tiêu chí 5.3</b>	131.	H5-5.3-01	Hợp đồng khám sức khỏe Tổng hợp khám sức khỏe	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Bình Minh II	
	132.	H5-5.3-02	Sổ theo dõi sức khỏe của trẻ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Bình Minh II	
	133.	H5-5.3-03	Các bài tuyên truyền với CMTE về CSGD trẻ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Bình Minh II	
<b>Tiêu chí 5.4</b>	134.	H5-5.4-01	Hồ sơ phổ cập trẻ 5 tuổi; Danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Bình Minh II	
	135.	H5-5.4-02	Hồ sơ hưởng chế độ chính sách của trẻ	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023- 2024	Trường MN Bình Minh II	Phòng kế toán